



GAS MIỀN TRUNG  **SINH RA ĐỂ PHỤC VỤ**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2022



Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất
PETRO MIỀN TRUNG

[📍] Địa chỉ: Lô 4 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
[☎] Điện thoại: +84-235.394.7233 / +84-235.394.7228
[📠] Số Fax: +84-235.394.7244
[🌐] Website: www.petrocenter.com.vn

MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu chung	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	8
Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty	10
Quá trình hình thành và phát triển	12

II. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu quản trị	18
Các công ty con và đơn vị trực thuộc	20
Hệ thống cầu cảng	24
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	28
Giới thiệu HĐQT, BKS và Ban điều hành	30
Bối cảnh vĩ mô và ngành khí thiên nhiên	38
Sức mạnh cạnh tranh của Petro Miền Trung	39
Chiến lược kinh doanh giai đoạn đến 2025	40
Gắn kết các bên liên quan trong chiến lược hoạt động	42
Quản trị rủi ro	46
Nguồn nhân lực	54

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	56
Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát	59
Báo cáo và đánh giá của Ban TGD	60

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất	66
--	----

GIỚI THIỆU CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO MIỀN TRUNG**

Tên tiếng Anh : **PETRO CENTER CORPORATION**

Tên viết tắt : **PETRO MIEN TRUNG CO., JSC**

Mã cổ phiếu : **PMG**

Sàn niêm yết : **Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
(HOSE)**

Logo :



PETROMIEN TRUNG

Slogan : **Gas Miền Trung – Ra đời để phục vụ**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000462724 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007 thay đổi lần thứ 20 ngày 25/09/2020

Vốn điều lệ **463.362.780.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu **640.522.388.950 đồng
(Theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2022)**

Địa chỉ **Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**

Số điện thoại **+84-235.394.7233 / +84-235.394.7228**

Số Fax **+84-235.394.7244**

Website **www.petrocenter.com.vn**



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN



DỊCH VỤ LƯU TRÚ NGẮN NGÀY



SẢN XUẤT THÙNG, BỂ CHỨA VÀ DỤNG CỤ CHỨA DỰNG BẰNG KIM LOẠI



HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ KHÁC CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐẦU



VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ



BÁN BUÔN ĐỒ UỐNG



NHÀ HÀNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĂN UỐNG PHỤC VỤ LƯU ĐỘNG



BÁN BUÔN KIM LOẠI VÀ QUẶNG KIM LOẠI



SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ PLASTIC



ĐẠI LÝ, MÔI GIỚI, ĐẦU GIÁ



CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN THỦY SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỦY SẢN



CHO THUÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG HỮU HÌNH KHÁC



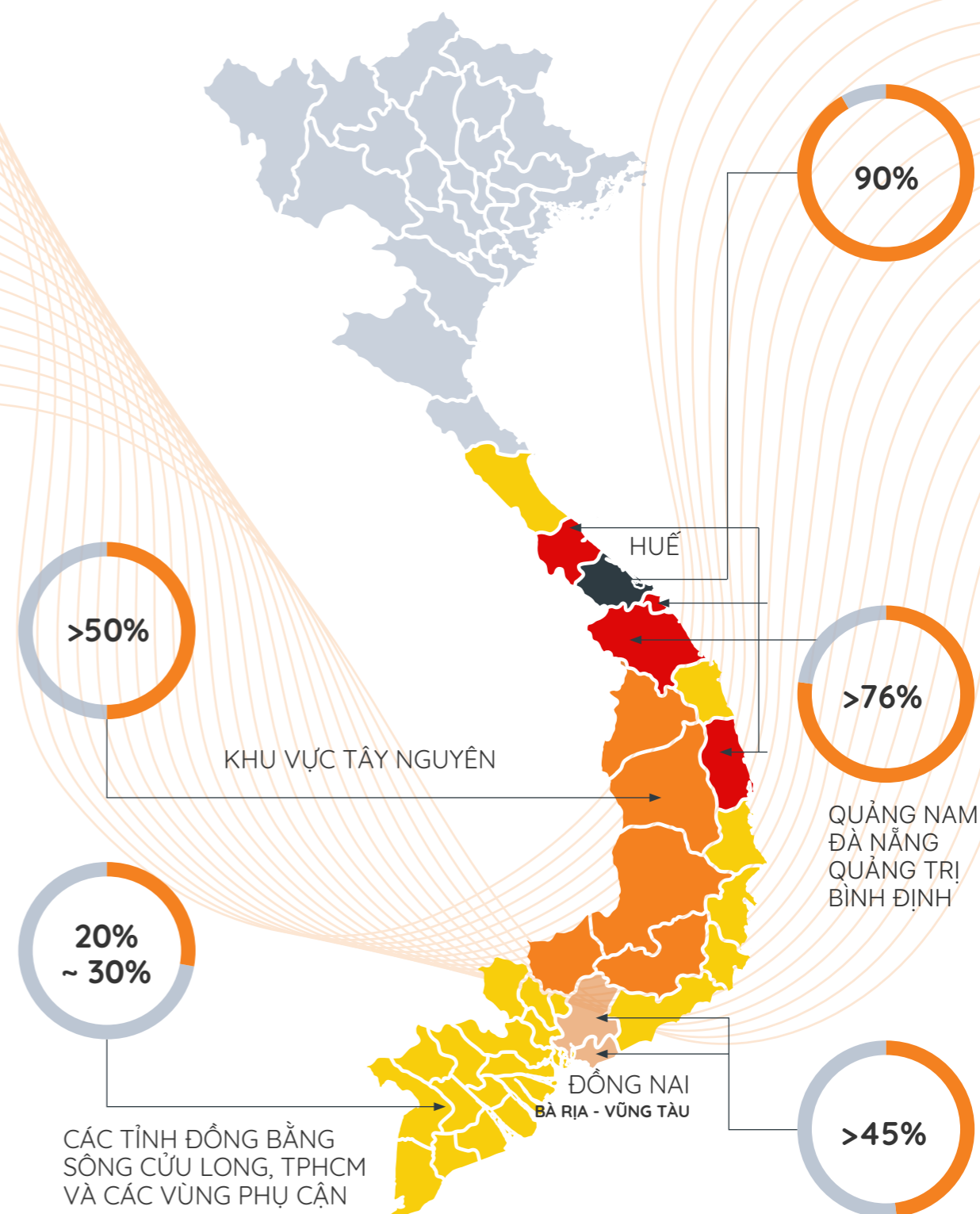
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG BỘ KHÁC



BÁN BUÔN ĐỒ DÙNG KHÁC CHO GIA ĐÌNH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bản đồ khu vực kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



“ Trở thành doanh nghiệp kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) dẫn đầu tại thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á ”



Trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ và liên tục các sản phẩm - dịch vụ có chất lượng và giá thành tốt nhất dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm. Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt. Đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam



Khách hàng là trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động

Sản phẩm dịch vụ tốt nhất, giá thành cạnh tranh nhất

Hệ thống dây chuyền công nghệ vận hành an toàn và hiện đại hàng đầu khu vực

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY



Hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình Gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng LPG tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

1. NHẬP KHẨU KHÍ GAS TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại cảng Đồng Nai và cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 05 đến 20.000 tấn.

2. TRỮ KHÍ VÀO CÁC TỔNG KHO CỦA CÔNG TY TẠI CÁC VÙNG MIỀN TRUNG

Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng được nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty

3. SƠN SỬA VỎ BÌNH GAS KHỐI LƯỢNG 12 KG VÀ 45 KG

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sơn sửa vỏ bình gas loại 12 kg và loại 45 kg.

4. CHIẾT NẠP KHÍ GAS VÀO BÌNH

Khí gas sẽ được chiết vào 02 loại bình đã được sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này vấn đề an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.

5. PHÂN PHỐI GAS ĐẾN NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sau khi được sản xuất, các sản phẩm của Công ty (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho đại lý lớn và bán lẻ đến từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng cho mình một số khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí gas và chuyên cung cấp gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung, Công ty TNHH Trung Hiếu, THACO Trường Hải, CTCP kinh doanh dầu khí Quảng Bình, Công ty TNHH TM DV Dầu Khí Sài Gòn Hưng Thịnh, CTCP Dầu Khí Hậu Giang, CTCP Petro Lâm Sơn, Công ty TNHH DV Gas Hạnh Nguyên, CTCP Gas Đại Sự, Công ty TNHH Tân Nhà Việt, Công Ty TNHH Thương Mại Đức Gas... thị phần cung cấp Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của Công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V - Gas, PM Gas và Picnic - Vip.

Đồng thời, Công ty tiến hành sơn sửa vỏ bình gas để chủ động trong quá trình chiết gas, cung cấp cho đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Ngày 09/05/2007
Thành lập CTCP đầu tư
và sản xuất Petro Miền
Trung

2014

Tháng 10/2014 Đầu tư
góp vốn vào Công ty cổ
phần dầu khí V-Gas tại
Đồng Nai từng bước
khẳng định thương hiệu

2016

Phát triển thương hiệu
PM Gas, Picnic Gas,
V-gas và tiến hành đầu
tư vỏ bình thương hiệu
Pmgas với số lượng
1.200.000 vỏ. Mở rộng
thị trường ra khắp khu
vực miền Trung, Tây
Nguyên và miền Nam.

2017

Trở thành Công ty đại
chúng theo giấy chứng
nhận số 8446/UB
CK-GSĐC ngày
19/12/2017 của Ủy ban
chứng khoán Nhà nước.

2018

Ngày 25/01/2018 chính thức giao dịch
trên sàn HOSE với mã chứng khoán:
PMG. Đánh dấu bước chuyển mình
quan trọng, khẳng định tên tuổi và vị
thế của Petro Miền Trung trên toàn
quốc và trong khu vực.

2019

Doanh thu của Công ty vượt
mốc 1.200 tỷ đồng. Đưa vào
khai thác và vận hành cầu
cảng gắn liền tổng kho tồn trữ
tại cảng Chu Lai.

2020

Năm 2020: Trở thành
đối tác với TOKAI
CORPORATION, Nhật
Bản để phát triển hoạt
động sản xuất kinh
doanh cốt lõi.

2021

Tập đoàn năng lượng hàng đầu Nhật Bản -
Lemon Gas Co., Ltd chính thức trở thành cổ đông
chiến lược của PMG. Với tiềm lực tài chính vững
mạnh, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm trong
quản lý vận hành của cổ đông chiến lược, Công
ty hướng đến sự phát triển mạnh mẽ và bền
vững trong dài hạn.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa : Quý Cổ đông và Nhà đầu tư

Trước hết, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên của Petro Miền Trung lời cảm ơn chân thành nhất vì chúng ta đã cùng nhau trải qua và chia sẻ một năm 2022 đầy cam go, nhiều thách thức đi kèm những cơ hội và những thành quả đạt được thật đáng khích lệ!

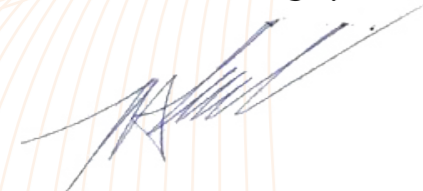
Nhìn lại năm 2022, kinh tế trong nước bước vào giai đoạn phục hồi hậu Covid-19 và chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc xung đột Nga - Ukraine, khiến hàng sức mua của nền kinh tế giảm mạnh, lãi suất huy động tăng cao. Trước bối cảnh đó, HĐQT Công ty đã nhanh chóng nắm bắt, theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, diễn biến dịch bệnh và thực tế hoạt động của Công ty để đề ra những định hướng chỉ đạo, quyết sách phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội phát triển có được.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng hiện nay, để gia tăng năng lực cạnh tranh, tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường nội địa, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc giữ vững giá trị cốt lõi của doanh nghiệp; triển khai thực hiện chiến lược phát triển, bao gồm: tập trung củng cố nội lực, phát triển thị trường, phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, sáng tạo; tăng cường tiềm lực tài chính vững mạnh, đầu tư cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị, liên tục cải tiến chất lượng dịch vụ; phục vụ khách hàng; sẵn sàng đón đầu thách thức, nắm bắt cơ hội phát triển.

Một lần nữa, thay mặt HĐQT, Ban điều hành, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác của Quý cổ đông, Quý đối tác/ khách hàng cùng toàn thể CBCNV Công ty đối với Petro Miền Trung trong suốt 15 năm qua và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị để Petro Miền Trung ngày càng phát triển bền vững, đóng góp nhiều lợi ích hơn nữa cho cộng đồng và xã hội!

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN TIẾN LĂNG



“

BAN LÃNH ĐẠO PETRO MIỀN TRUNG ĐÃ ĐẶT VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP THÀNH TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022 VÀ THỜI GIAN SẮP TỚI, NHẪM TẠO HIỆU ỨNG ĐỘT PHÁ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG CÁC NĂM TỚI

”

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2022

TỔNG GIÁ TRỊ
KINH TẾ TẠO RA

2.073

TỶ ĐỒNG

NỢP NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC

4.6

TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP CHO
CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

300

TRIỆU ĐỒNG

LAO ĐỘNG NỮ /
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

16%

CỔ TỨC 2021

0%

SỐ LƯỢNG CBNV
2022

406

NGƯỜI

LƯƠNG THƯỜNG &
PHÚC LỢI CHO CBNV

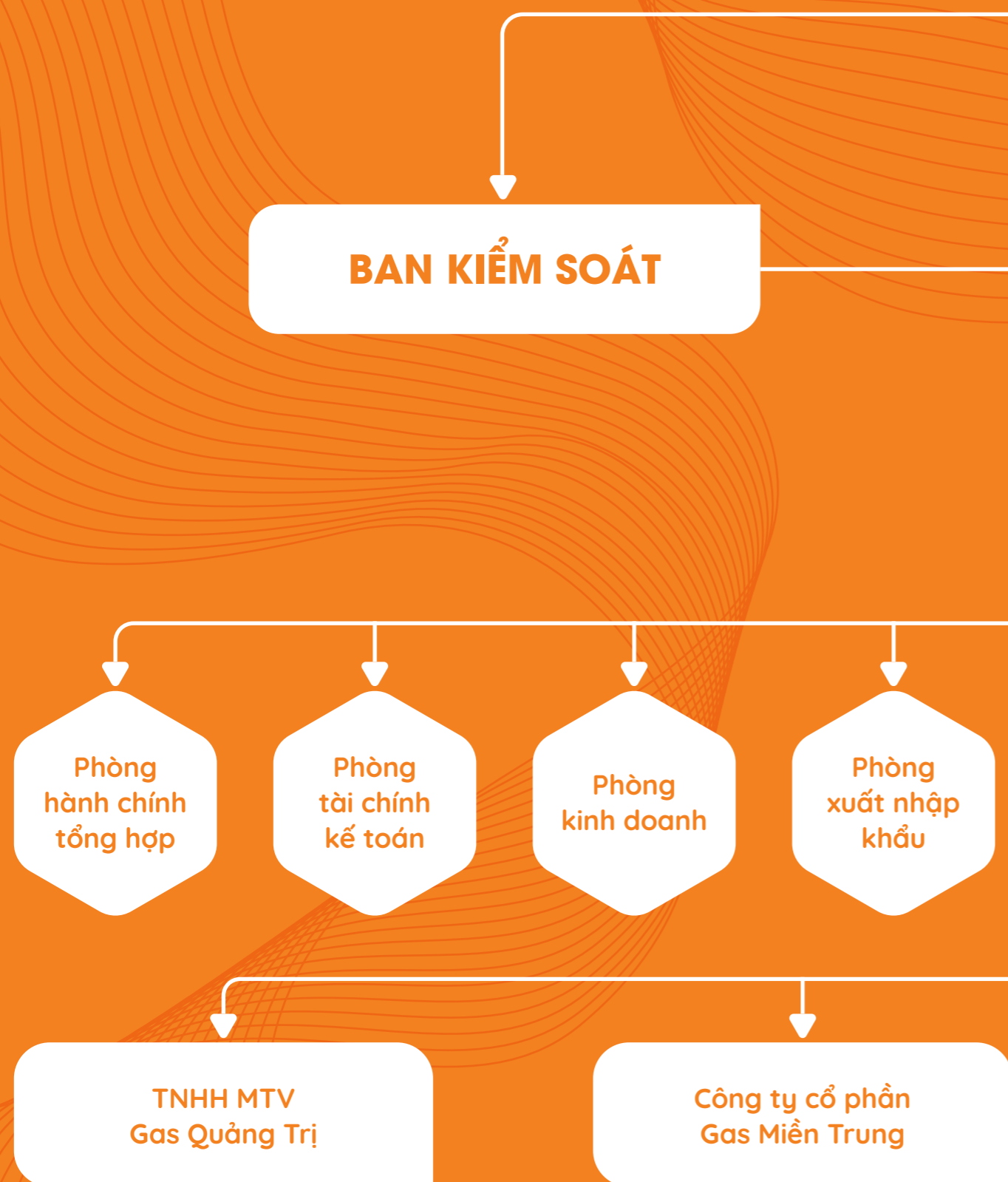
47,5

TỶ ĐỒNG

LÃNH ĐẠO CAO CẤP
LÀ NỮ

5%





CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÁC CÔNG TY CON

Công ty CP Dầu khí V-Gas

Địa chỉ

Số 1A/8, đường Châu Văn Lồng, Khu phố Long Diêm,
Phường Long Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3603202837

Vốn điều lệ

225 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

Công ty CP Gas Miền Trung

Địa chỉ

Lô 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc - TX
Điện Bàn, Quảng Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

4000354775

Vốn điều lệ

327 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

Công ty TNHH Trung Nam

Địa chỉ

8G Khu Phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12,
Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302137561

Vốn điều lệ

15 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

65%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

Địa chỉ

KCN Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông
Hà, Quảng Trị

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3200711969

Vốn điều lệ

10 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

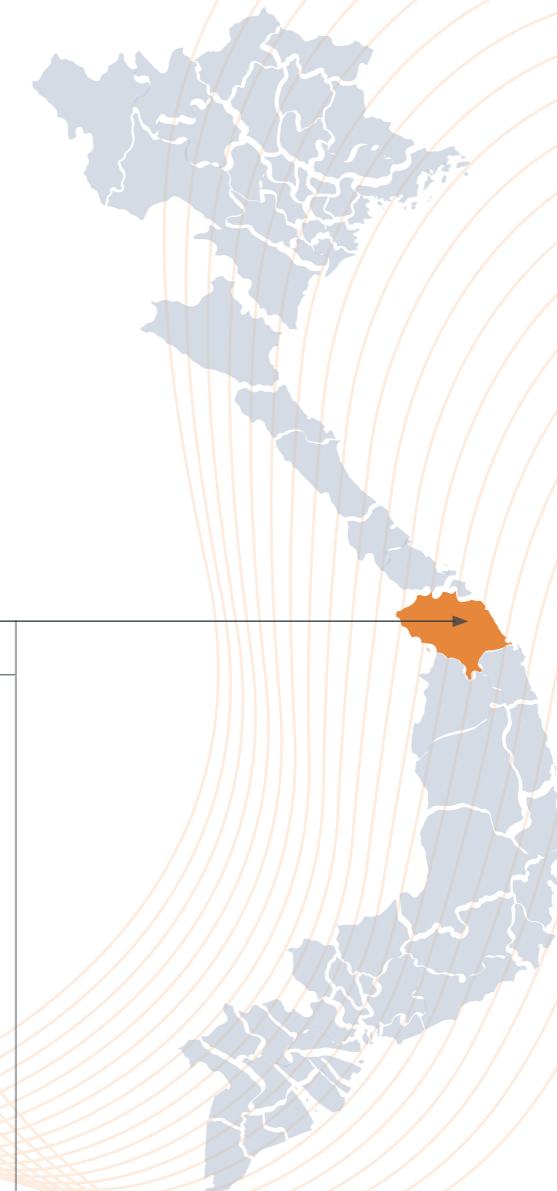
1. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



2. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



3. TỔNG KHO TỒN TRỮ, CẢNG XUẤT NHẬP KHẨU GAS CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

4. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI HUẾ



5. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG



6. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH



9. CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI



8. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI QUẢNG TRỊ



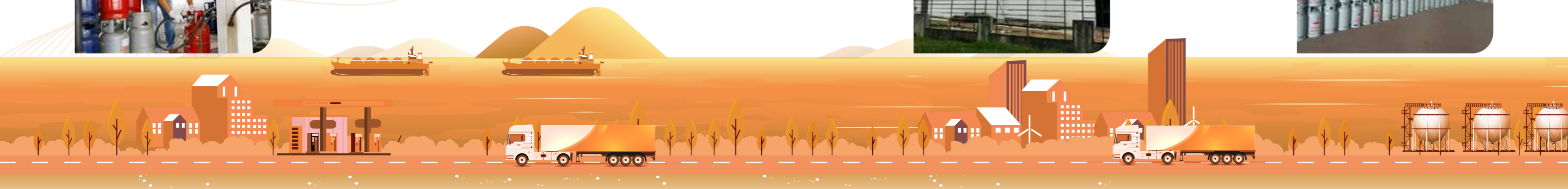
7. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU



10. NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KCN PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU

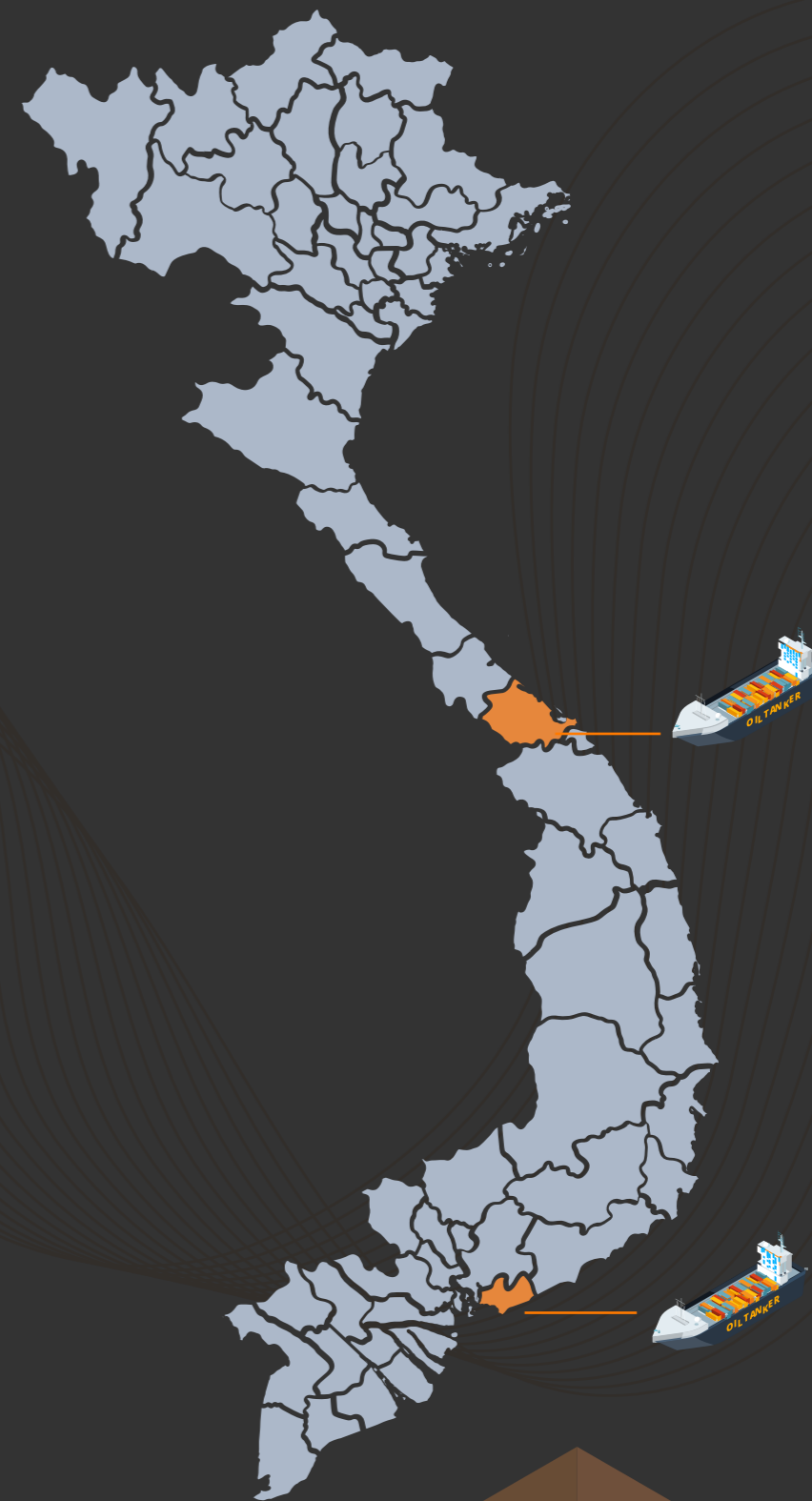


CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



HỆ THỐNG CẦU CẢNG

Petro Miền Trung đã sở hữu và vận hành 02 cầu cảng lớn tại Cảng Chu Lai - Quảng Nam và Cảng Biên Hòa - Đồng Nai gắn liền với các tổng kho có thể đón tàu tải trọng từ 5.000 tấn đến 20.000 tấn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyên chở các tàu vận tải cỡ lớn, góp phần giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành nguyên liệu đầu vào.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

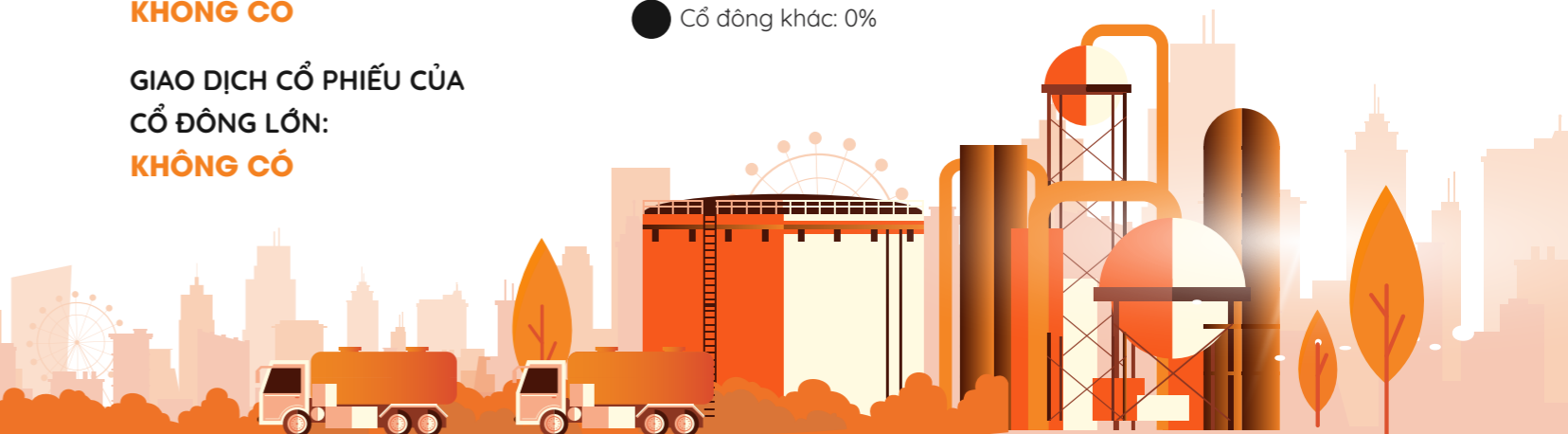
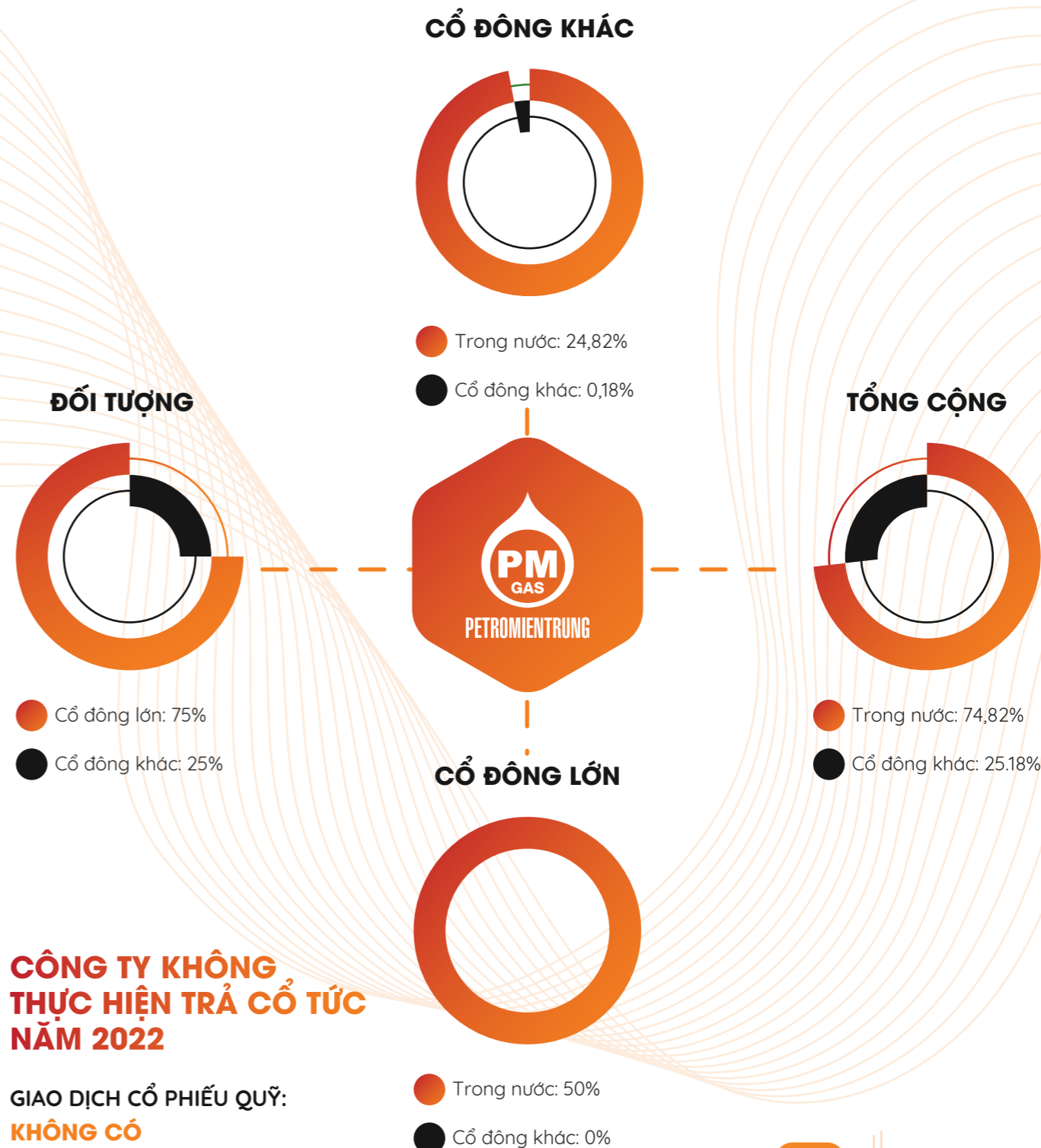
Tổng số lượng cổ phần:	:	46.336.278 cổ phần
Trong đó		
Số lượng cổ phần phổ thông	:	46.336.278 cổ phần
Số lượng cổ phần ưu đãi	:	0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG: THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 27/03/2023 ĐỂ HỌP ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2023

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ đông lớn	34.752.544	75,00	3	1	2
Trong nước	23.168.474	50,00	2	0	2
Nước ngoài	11.584.070	25,00	1	1	0
Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
Trong nước	0	0	0	0	0
Nước ngoài	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Cổ đông khác	11.583.734	25,00	589	18	571
Trong nước	11.500.862	24,82%	572	10	562
Nước ngoài	82.872	0,18%	17	9	9
TỔNG CỘNG	46.336.278	100,00	592	19	573
Trong nước	34.669.336	74,82%	574	10	564
Nước ngoài	11.666.942	25,18%	18	9	9

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 27/03/2022



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện đúng các chuẩn mực QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác Quan hệ Nhà đầu tư, đặc biệt là hoạt động công bố thông tin ra thị trường.

Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động. Công ty cũng đã thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ và kịp thời trên website, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trên website của Công ty.



Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh Đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Trong năm, do tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục phức tạp nên Công ty không tổ chức cuộc tiếp xúc trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty luôn tiếp thu và phản hồi các câu hỏi, ý kiến góp ý của cổ đông qua các kênh truyền thông như điện thoại, email, website...

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Petro Miền Trung.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

2.428.334.731

Đồng



GIỚI THIỆU

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN TIẾN LÃNG

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

6.950.542 cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

6.950.542 cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG LÊ TẤN CẦN

Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Kỹ thuật công nghệ

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG TOSHIO TATSUNO

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1954

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Giáo dục học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT CTCP Lemon Gas

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

11.584.070 cổ phần, chiếm **25%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

11.584.070 cổ phần

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **6.950.542** cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **6.950.542** cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ VÕ THỊ ÁNH NGUYỆT

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **140.415** cổ phần, chiếm **0.3%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **140.415** cổ phần, chiếm **0.3%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

ÔNG TOSHIO TATSUNO

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1954

Quốc tịch: Nhật Bản



Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Giáo dục học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Lemon Gas

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **11.584.070** cổ phần, chiếm **25%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **11.584.070** cổ phần

ÔNG NGUYỄN VĂN TRUNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Quản lý nguồn nhân lực

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm PTGD CTCP Gas Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **168** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **168** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ LÊ THỊ HỒNG TRANG

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ TRẦN THỊ QUYÊN

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam



Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân: **28.083** cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện: **0** cổ phần

BÀ NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNGChức vụ: **Kế toán trưởng**Năm sinh: **1979**Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ

KINH TẾ THẾ GIỚI: NHIỀU BIẾN ĐỘNG VÀ RỦI RO CHÍNH SÁCH



Thế giới đang trong giai đoạn có nhiều xáo trộn cả về kinh tế, địa chính trị, lẫn biến đổi khí hậu và có tác động mạnh mẽ đến triển vọng toàn cầu. Lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, buộc các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ, hộ gia đình siết chặt chi tiêu trong bối cảnh các khoản hỗ trợ tài chính liên quan đến Covid-19 đang dần cạn kiệt. Ngoài ra, tình hình còn phức tạp hơn khi xung đột giữa Nga và Ukraine có dấu hiệu kéo dài và tác động sâu rộng hơn. Trong khi đó, Trung Quốc chỉ mới mở cửa trở lại vào cuối năm 2022, khiến hoạt động kinh tế chưa thể hồi phục mạnh.

Theo tính toán của IMF, tăng trưởng toàn cầu năm 2022 ước đạt 3,2%. Tuy nhiên, IMF dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng yếu hơn dự kiến trong năm 2023. Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới là Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng chậm lại đáng kể trong năm 2023, khi các ngân hàng trung ương tiếp tục duy trì lãi suất cao để kiểm chế lạm phát; Trung Quốc tăng trưởng chậm do phong tỏa kéo dài và khủng hoảng thị trường bất động sản; cuộc xung đột tại Ukraine không chỉ ảnh hưởng thị trường dầu khí mà còn có thể lan rộng đến các lĩnh vực khác.

Trong khi đó, Fitch Ratings ước tính tăng trưởng toàn cầu năm 2022 chỉ ở mức 2,6%, dù có cải thiện so với mức dự báo trước đó khi kinh tế quý 4 có dấu hiệu hồi phục. Tuy nhiên, Fitch Ratings vẫn điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023, đạt 1,4%, khi các ngân hàng trung ương mạnh tay hơn trong cuộc chiến chống lạm phát và triển vọng thị trường bất động sản của Trung Quốc xấu đi. Theo Tổ chức OECD, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt 3,1% năm 2022 và sẽ chậm lại ở mức 2,2% vào năm 2023. Triển vọng toàn cầu cũng ngày càng nghiêng về các nền kinh tế thị trường lớn mới nổi của châu Á chiếm gần 3/4 tăng trưởng GDP toàn cầu vào năm 2023, phản ánh sự suy giảm triển vọng kinh tế của Hoa Kỳ và châu Âu.



VIỆT NAM: TỐC ĐỘ HỒI PHỤC KINH TẾ KỲ VỌNG CẢI THIỆN TỪ NỬA CUỐI 2023

Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 khi nền kinh tế được khôi phục trở lại sau thời kỳ khủng hoảng Covid-19. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Tuy nhiên, mức tăng trưởng này một phần nhờ hiệu ứng mức nền thấp của năm trước. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại từ Quý 4 do chính sách tiền tệ thắt chặt, nhu cầu xuất khẩu suy yếu và thị trường trái phiếu, bất động sản gặp khó khăn. Sản xuất công nghiệp Quý 4/2022 có xu hướng sụt giảm, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7,69% so với năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) Quý 4/2022 tăng 3%, là mức tăng thấp nhất so với các quý của năm 2022 do đơn hàng sụt giảm, chi phí đầu vào ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu.

Cả năm 2022, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 143,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,5%; bình quân một tháng có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, phản ánh tình trạng khó khăn chung của nền kinh tế.



Năm 2023, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ không thể đạt được mức cao như năm 2022 do hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, thị trường bất động sản đóng băng và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm. Tuy nhiên, lạm phát năm 2023 kỳ vọng sẽ trong tầm kiểm soát khi áp lực bên ngoài dịu bớt, tạo dư địa cho chính sách tiền tệ và tài khóa nới lỏng vào nửa sau của năm. Việt Nam tiếp tục là một trong những nước được hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc, là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong năm 2023.

THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN: CƠ HỘI XEN LẤN THÁCH THỨC

Năm 2023, các tổ chức quốc tế lớn dự báo giá dầu Brent sẽ tiếp tục neo ở mức cao trên 90 USD/thùng khi Trung Quốc mở cửa trở lại thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ. Xung đột tại Ukraine có dấu hiệu kéo dài có thể khiến nguồn cung tiếp tục bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, nhóm OPEC+ luôn phát tín hiệu hỗ trợ giá dầu mỗi khi giá dầu có dấu hiệu sụt giảm.

Trong nước, cuối năm 2022, Luật Dầu khí mới đã được thông qua với kỳ vọng sẽ thu hút thêm đầu tư vào các mỏ dầu khí Việt Nam nói chung cũng như các dự án cận biên nói riêng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi hầu hết các mỏ hiện hữu tại Việt Nam đã ở giai đoạn khai thác cuối đời mỏ, với sản lượng suy giảm tự nhiên hàng năm và nguồn cung khí dự báo tiếp tục bị thiếu hụt trong những năm sắp tới trước nhu cầu tăng mạnh.

Dự án LNG Thị Vải của Tổng Công ty Khí Việt Nam đã đi vào những bước cuối cùng, sẽ bổ sung nguồn cung khí nhập khẩu quan trọng cho các khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ.

Đáng chú ý, Chính phủ đã nhấn mạnh sự chuyển dịch năng lượng xanh để đáp ứng yêu cầu giảm phát thải carbon theo cam kết tại các diễn đàn đa phương và do đó, sẽ ưu tiên nguồn năng lượng từ khí trong thời gian tới. Sự chuyển dịch này cùng với nhu cầu ngày càng tăng của hoạt động sản xuất công nghiệp theo hướng bảo vệ môi trường sẽ là động lực phát triển quan trọng cho ngành khí Việt Nam.



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025



TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung bền vững, trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần khí hóa lỏng trên thị trường.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.

Phát triển Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng.

Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của khí hóa lỏng.

1

BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG KHÍ HOÁ LỎNG TOÀN QUỐC

Chiến lược chung là tiếp tục phát triển khí hóa lỏng đến năm 2022, sau đó duy trì giữ ổn định khách hàng khí hóa lỏng, từ 2023 triển khai phát triển khách hàng sử dụng khí hóa lỏng (hoặc triển khai sớm hơn tùy theo tiến độ nhập khẩu khí hóa lỏng) để nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần.

Hiện Petro Miền Trung đang kinh doanh khí hoá lỏng tập trung tại miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Dự kiến từ năm 2022 theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, Petro Miền Trung sẽ mở rộng thị trường và sản lượng tiêu thụ khí khí hóa lỏng trên cả nước.

Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán khí hóa lỏng tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/ Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với Petro Miền Trung.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng khí hóa lỏng, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự...
- Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

2

NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA KHÍ HOÁ LỎNG

Để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- Nâng cao công suất nhà máy, phát triển thị trường khí hóa lỏng miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.
- Xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

1. Bao phủ thị trường khí hóa lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng.
2. Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hóa lỏng.
3. Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
4. Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hóa lỏng.
5. Xây dựng thương hiệu Petro Miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.
6. Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.

3&4

HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH, TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI KHÍ HOÁ LỎNG

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp khí hóa lỏng để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy khí hóa lỏng hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

5

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU PETRO MIỀN TRUNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng và phát triển thương hiệu Petro Miền Trung trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa Petro Miền Trung ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

6

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

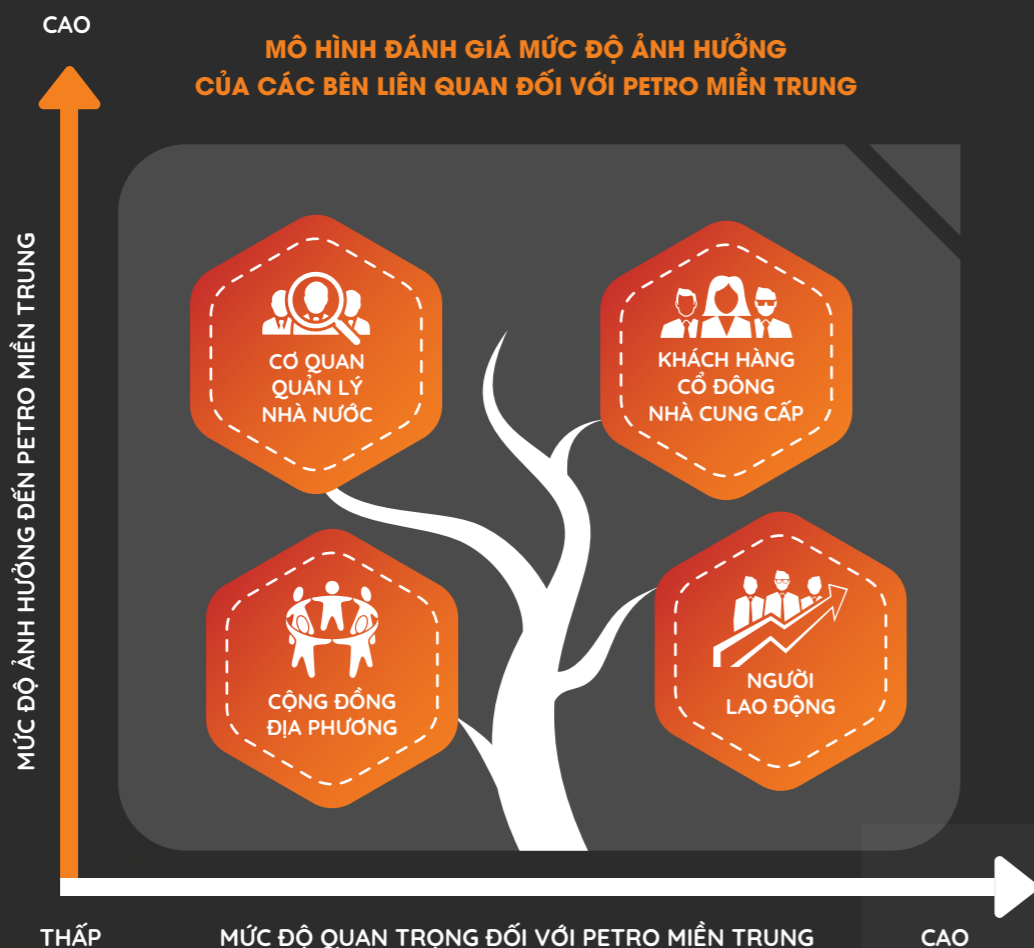
Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (1)

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ KHÍ HOÁ LỎNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, PETRO MIỀN TRUNG LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, Petro Miền Trung đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Petro Miền Trung xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương, dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.



KỖ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, Petro Miền Trung có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỖ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
KHÁCH HÀNG	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”.	Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.	An toàn trong vận hành và vận chuyển khí hoá lỏng, môi trường.		Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT
	Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.	Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.		Cộng đồng - Xã hội
	Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.			Trách nhiệm với môi trường
	Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.			Quản trị rủi ro
	Giao lưu văn hóa - thể thao với khách hàng.			
CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
	Viếng thăm Công ty, nhà máy.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.	(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.			Phân tích tài chính
	Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.			
	Tiếp nhận phản hồi qua website.			
	Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.			
Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.				
Công bố thông tin theo quy định.				

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (2)



BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
NHÀ CUNG CẤP	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tim kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa - thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.</p> <p>(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hoá lỏng.</p> <p>(3)&(4) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành/ Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hoá lỏng.</p>	<p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p> <p>Quản trị rủi ro</p>
	<p>Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>"Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc" theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p>	<p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p>	<p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Nguồn nhân lực</p> <p>Cộng đồng - Xã hội</p> <p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p>



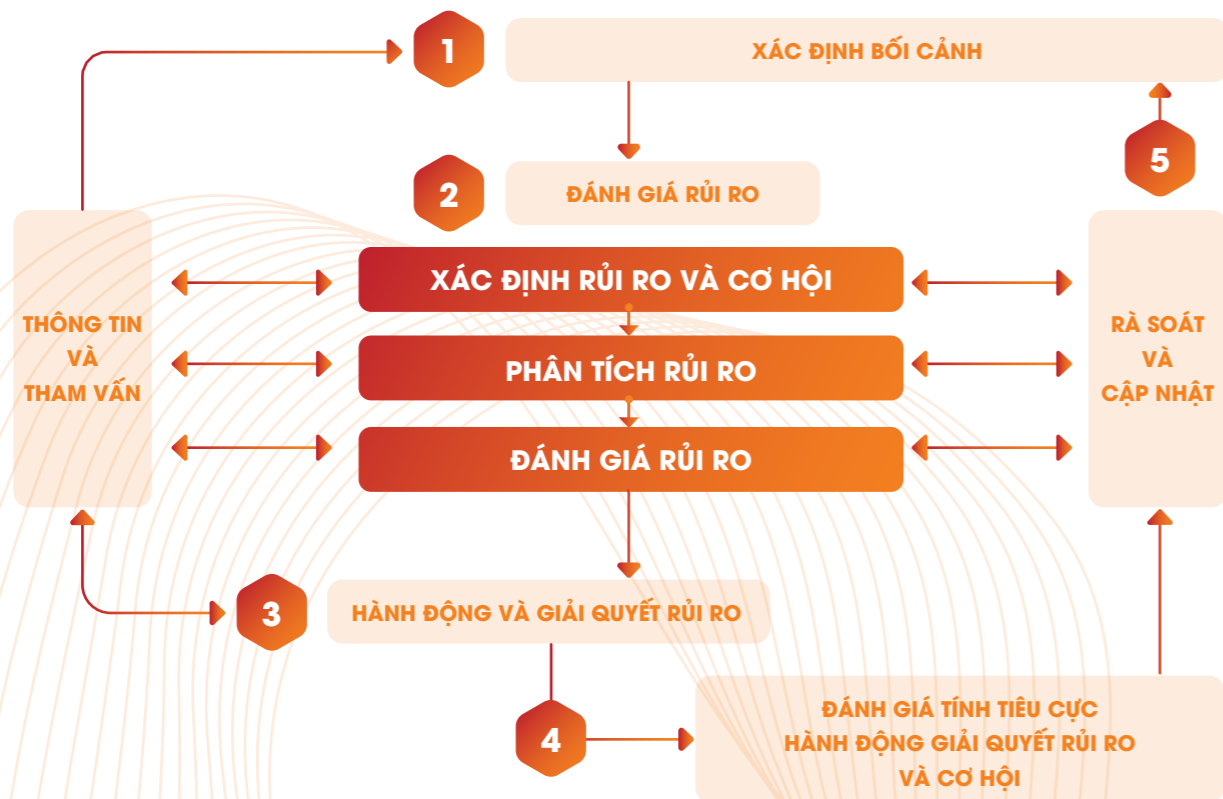
BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTC
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì - bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tim kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa - thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đàm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>
	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

QUẢN TRỊ RỦI RO (1)

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



01. XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC / HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...



Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức



Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

02. ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- ★ Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- ★ Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- ★ Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

03. HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cân hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- ★ Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:



04. ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.

05. RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

- ★ Theo dõi, rà soát, và cập nhật bằng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- ★ Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bằng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- ★ Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO (2)

PHÂN LOẠI RỦI RO

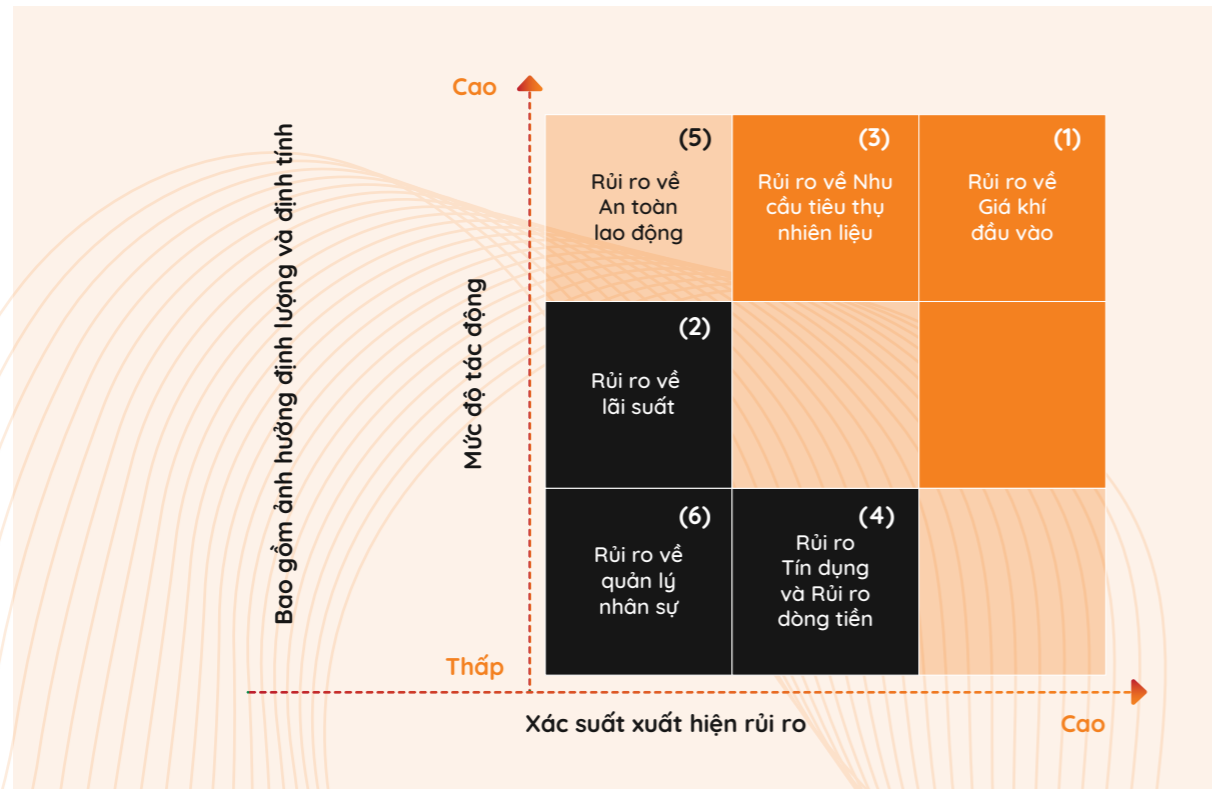


RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
<p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO</p>	<p>Hiệu quả kinh doanh</p> <p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p>	<p>Petro Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí hoá lỏng. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.</p> <p>Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
<p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p>	<p>Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro</p> <p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p>	<p>Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.</p>
<p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p> <p>Hiệu quả kinh doanh</p>	<p>Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm khí hoá lỏng sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.</p> <p>Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá khí hoá lỏng sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.</p>

RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
<p>RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p>	<p>Hiệu quả kinh doanh</p>	<p>Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.</p> <p>Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.</p>
<p>RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Danh tiếng của Công ty</p>	<p>Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của khí hoá lỏng luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.</p> <p>Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.</p>
<p>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</p>	<p>Kế hoạch kinh doanh trung hạn</p> <p>Mục tiêu chiến lược dài hạn</p>	<p>Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.</p> <p>Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (3)

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PETRO MIỀN TRUNG



QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

HDQT chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý công ty, gắn liền quản trị rủi ro với chiến lược phát triển. Ngoài ra, HDQT còn chịu trách nhiệm thiết lập các nguyên tắc, khung quản trị rủi ro, và chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro cũng như quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Để đảm bảo tính hiệu quả của khung quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng có liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả trong công ty bao gồm các bộ phận giám sát và bảo đảm. Mô hình “**Ba tuyến phòng vệ**” là phương thức để giải thích mối quan hệ giữa những bộ phận này cũng như để chỉ dẫn cách thức phân chia trách nhiệm:

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT

Các phòng ban thực hiện quản trị đối với các rủi ro liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của mình. Định kỳ đánh giá và báo cáo với BGD về hoạt động quản trị rủi ro

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI

BGD có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro. Đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ tiêu chuẩn liên quan, tạo lợi ích cho cổ đông và công ty.

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA

Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành, nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót; từ đó góp ý về việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO



RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
 GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO	<p>Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá dầu vào tốt hơn.</p> <p>Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.</p> <p>Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.</p> <p>Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.</p> <p>Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.</p>
 RỦI RO VỀ LÃI SUẤT	<p>Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.</p> <p>Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.</p> <p>Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.</p>
 RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU	<p>Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.</p> <p>Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, Petro Miền Trung luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.</p> <p>Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.</p> <p>Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.</p> <p>Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (4)

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO (TIẾP THEO)

RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO VỀ TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.

Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.

Petro Miền Trung hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.

Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.

Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.

Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.

Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

LÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP TẠO RA
GIÁ TRỊ CHO CÔNG TY,
VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG
BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG

**CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA PETRO MIỀN TRUNG**

SỐ LƯỢNG
CBCNV NĂM 2022

406

NGƯỜI

VIỆC LÀM

Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí thì lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, Petro Miền Trung đã nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong công ty. Trong năm 2022, tổng số lao động nữ là 64 người, chiếm 16% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong ban lãnh đạo là 5%.

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH
CỦA CBCNV
NĂM 2022

13

TRIỆU ĐỒNG

Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, Petro Miền Trung cũng nỗ lực trong việc xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như phát triển trong tương lai của công ty.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động chiếm 69%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 17%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 14%.



ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo Công ty luôn tự thấy trách nhiệm của Công ty, của cá nhân mỗi cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của cộng đồng. Ngoài việc đóng góp cho ngân sách địa phương, Ban lãnh đạo thường xuyên hưởng ứng các chương trình do chính quyền các cấp phát động, và khuyến khích sự tham gia của toàn thể CBCNV.

Trong năm, Petro Miền Trung cùng với toàn thể CBCNV trong toàn hệ thống đã tham gia quyên góp và ủng hộ người dân chịu ảnh hưởng của dịch bệnh với số tiền hơn 300 triệu đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (1)



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, HĐQT đã họp các phiên cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	10/06/2022	
02	Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	10/06/2022	
03	Ông Lê Tấn Cần	Thành viên	10/06/2022	
04	Ông SATO RYOICHI	Thành viên	10/06/2022	12/10/2022
05	Ông TOSHIO TATSUNO	Thành viên	12/10/2022	

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2021.

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và triển khai các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng ban nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau :

- Giám sát tình hình tài chính : Xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính kết hợp trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phát hành báo cáo ra công chúng.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh : Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong các quy trình sản xuất kinh doanh chính.
- Giám sát việc triển khai quản trị rủi ro

Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc và ban điều hành thông qua : chiến lược, chính sách, quy trình, các ưu tiên, kết quả thực hiện mục tiêu, quản lý rủi ro.

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (2)

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	SỐ NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/01/2022/NQ-HĐQT	28/01/2022	Nghị quyết ban hành quy chế kiểm toán nội bộ	100%
02	01/03/2022/NQ-HĐQT	29/03/2022	Nghị quyết xin gia hạn hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
03	01/04/2022/NQ-HĐQT	12/04/2022	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
04	02/06/2022/NQ-HĐQT	10/06/2022	Nghị quyết họp HĐQT bầu chủ tịch	100%
05	04/06/2022/NQ-HĐQT	16/06/2022	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022	100%
06	01/07/2022/NQ-HĐQT	27/07/2022	Nghị quyết HĐQT về việc Giao dịch với người có liên quan	100%
07	01/08/2022/NQ-HĐQT	26/08/2022	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Trong năm 2022, thành viên HĐQT độc lập tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19 và cuộc xung đột Nga - Ukraine.



Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT



Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2022 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHCĐ và tuân thủ Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực về Quản trị Tập đoàn.



HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban Tổng giám đốc vượt qua một số thách thức trong quá trình điều hành Tập đoàn, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát để đảm bảo tiêu chí tuân thủ pháp luật mà Tập đoàn tuyệt đối tôn trọng.



Tất cả thành viên HĐQT đều có tinh thần trách nhiệm sâu sắc, tính chuyên nghiệp cao. Do đó, trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của Tập đoàn rất rõ ràng và việc thực hiện vai trò của mỗi thành viên đều cần trọng.



HĐQT đã lãnh đạo và quản lý Tập đoàn hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của năm, mang lại hiệu quả cao cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động.



HĐQT đã tham gia cùng Ban Tổng giám đốc triển khai các hoạt động nhằm bồi đắp văn hóa của doanh nghiệp. Thông qua các phương pháp sáng tạo, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò đồng hành xây dựng các giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong chiến lược 2022 - 2027.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (1)

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



**TĂNG TRƯỞNG DOANH THU
Ở MỨC CAO GẦN 30%
SO VỚI CÙNG KỲ**

Sau khi liên tục gia tăng trong năm 2021 trước nhu cầu tăng cao giai đoạn hậu Covid, giá dầu thô trong năm 2022 đã chứng kiến đà tăng tiếp tục mạnh mẽ đạt quanh ngưỡng 100 USD/thùng và thậm chí đạt đỉnh hơn 130 USD/thùng hồi tháng 6 và tháng 9/2022. Điều này bắt nguồn chủ yếu từ việc các nước phương Tây cấm vận nhập khẩu dầu mỏ và khí đốt của Nga sau khi xung đột Nga - Ukraine nổ ra hồi tháng 2/2022.

Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tối đa, dù chưa hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 những kết quả thực hiện vẫn là kết quả đáng ghi nhận.



Trong một năm nhiều khó khăn, Công ty tiếp tục duy trì tăng trưởng doanh thu ở mức cao gần 30% so với cùng kỳ. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh bắt đầu ghi nhận lãi trở lại tại công ty mẹ (~18 tỷ đồng) và gần đạt mức hòa vốn hợp nhất sau 2 năm tái cấu trúc. Thị phần tiếp tục được củng cố. Và thu nhập của toàn bộ CBCNV vẫn được đảm bảo như giai đoạn trước đại dịch. Tạo tâm lý phấn khởi để người lao động cống hiến, phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa cho giai đoạn còn nhiều thách thức phía trước.



Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh Covid-19, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Y tế, cơ quan phòng chống dịch bệnh địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.



Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.



Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục triển khai hiệu quả.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (2)

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022, Ban điều hành đã tiếp tục bám sát kế hoạch tái cấu trúc toàn diện, triển khai các chính sách linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường và bước đầu ghi nhận những chuyển biến rõ rệt. Thị phần của Công ty được mở rộng là động lực chính giúp doanh thu tăng trưởng ~30% so với cùng kỳ, lần đầu tiên cán mốc hơn 2.000 tỷ đồng.

Công tác quản lý chi phí, vận hành được chú trọng, đảm bảo không có bất kỳ sự cố nào trong năm. Nhờ đó, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã gần trở lại mức hòa vốn, so với mức lỗ ~108 tỷ đồng của năm 2022. Điều này cho thấy, kế hoạch tái cấu trúc đang được triển khai hiệu quả, đúng tiến độ và sẽ giúp Công ty có lãi trở lại trong năm tiếp theo.

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022
Tổng giá trị tài sản	1,732,115	1,597,223
Doanh thu thuần	1,566,816	2,021,513
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(107,001)	(17,548)
Lợi nhuận khác	8,998	15,814
Lợi nhuận trước thuế	(98,004)	(1,734)
Lợi nhuận sau thuế	(108,124)	(13,323)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Kết quả sản xuất kinh doanh ghi nhận sự khởi sắc rõ rệt kéo theo các chỉ số sinh tài chính được cải thiện tương ứng.

Các chỉ tiêu thanh toán và cơ cấu vốn tương đương với cùng kỳ. Trong khi đó, các vòng quay về năng lực hoạt động được cải thiện: vòng quay Tổng tài sản tăng từ 0,90 lần lên 1,27 lần trong năm. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời gần trở lại mức dương trong khi con số này ở mức âm khá lớn trong năm 2021.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2021	2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,68	0,67
Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,62	0,55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,62	0,60
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,64	1,49
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	32,67	23,35
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,90	1,27
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-6,90	-0,64
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	-8,55	-2,03
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	-3,83	-0,81
Tỷ suất Lợi nhuận HDSXKD/Doanh thu thuần	%	-6,83	-0,84

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (3)

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2021	2022
Tài sản ngắn hạn	632.673	547.672
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.594	80.854
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	302.656	156.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	147.846	164.595
Hàng tồn kho	55.873	97.768
Tài sản ngắn hạn khác	48.702	47.854
Tài sản dài hạn	1.099.441	1.049.551
Tài sản cố định	530.210	502.833
Bất động sản đầu tư	94.229	94.180
Tài sản dài hạn khác	448.797	425.515
Tổng cộng tài sản	1.732.115	1.597.223

Tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ so với năm 2021. Trong năm Công ty đã quản lý tốt công nợ, tất toán hơn 120 tỷ vay ngắn hạn, góp phần giảm bớt áp lực về tài chính. Hàng tồn kho tăng khá mạnh lên mức 97 tỷ đồng do Công ty đẩy mạnh việc mở rộng địa bàn kinh doanh.

Cơ cấu tài sản dài hạn giữ ổn định. Trong kỳ, Công ty không thực hiện động đầu tư dự án lớn.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả được quản lý tốt, không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá của ngân hàng (hợp đồng hoán đổi lãi suất, SWAP...) để đảm bảo sự biến động của tỷ giá luôn được kiểm soát.

Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	2021	2022
Nợ phải trả	1.078.270	956.700
Nợ ngắn hạn	936.527	820.741
Nợ dài hạn	141.742	135.959
Vốn chủ sở hữu	653.845	640.522
Tổng cộng tài sản	1.732.115	1.597.223

Cơ cấu nợ cũng cải thiện theo chiều hướng tích cực. Tổng nợ phải trả giảm ~100 tỷ so với cùng kỳ, do trong năm Công ty đã thực hiện trả nợ vay và nợ thuê tài chính, góp phần giảm chi phí lãi vay trong bối cảnh chịu tác động tiêu cực từ thị trường.

Công ty luôn lựa chọn các tổ chức tín dụng uy tín, là đối tác lâu năm của Petro Miền Trung để đảm bảo được hưởng mức lãi suất cạnh tranh nhất trên thị trường. Nhờ đó, mức lãi suất của các khoản vay nợ luôn được giữ ổn định

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ngoài các công tác điều hành bình thường, để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

1

Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.

2

Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.

3

Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.

4

Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

4. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2023

Đơn vị tính : tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022
1. Doanh thu thuần hợp nhất	2.200	2.022
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	15	-1,7
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	12	-13,3

KHKD 2023 của Công ty hiện tại dựa trên kịch bản tình hình địa chính trị trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Nền lãi suất vẫn ở mức khi các ngân hàng trung ương trên thế giới chưa có dấu hiệu giảm lãi suất điều hành. Khó khăn là vẫn hiện hữu đối với doanh nghiệp trong năm nay. Đặc biệt là đối với ngành dầu khí, giá dầu khí đang chứng kiến sự sụt giảm trong những tháng đầu năm nay. Chính vì vậy, đây là kế hoạch thận trọng mà Ban điều hành đặt ra.

Với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Lemon Gas Co., Ltd cùng nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty và sự đồng hành của các đối tác chiến lược, Ban điều hành tin tưởng sẽ hoàn thành và có thể vượt thành vượt mức KHKD đã đặt ra cho năm 2022.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

RIÊNG LẺ VÀ

HỢP NHẤT





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2022: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 31 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Ông Lê Tấn Cẩn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Ông Toshio Tatsunio	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/10/2022
• Ông Sato Ryoichi	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 Miễn nhiệm ngày 12/10/2022

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2020
• Ông Toshio Tatsunio	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/10/2022
• Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
• Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/11/2016
• Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2022 Miễn nhiệm ngày 12/10/2022
• Bà Nguyễn Thị Linh Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bích Thùy là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính này theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2022.

Khay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Số: 581/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 28/03/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2022 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Lê Hoàng Tố Uyên – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4866-2019-010-1



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		487.295.459.130	470.209.712.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.849.245.291	17.434.714.305
1. Tiền	111	5	33.849.245.291	1.434.714.305
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.600.000.000	200.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	156.600.000.000	200.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		262.036.964.103	250.943.119.873
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	300.447.469.405	289.053.381.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	914.638.209	823.828.209
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	9.413.428.407	9.804.482.250
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
IV. Hàng tồn kho	140	11	32.896.896.858	1.153.772.294
1. Hàng tồn kho	141		32.896.896.858	1.153.772.294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.912.352.878	678.105.995
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	389.649.757	535.350.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.452.619.122	68.975.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	70.083.999	73.779.889
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		601.459.183.491	622.292.910.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.290.759.192	3.932.459.192
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	3.290.759.192	3.932.459.192
II. Tài sản cố định	220		22.354.919.636	24.494.469.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	22.354.919.636	24.494.469.214
- Nguyên giá	222		42.903.785.384	42.581.335.748
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.548.865.748)	(18.086.866.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	14	94.180.895.062	94.229.657.314
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(146.286.756)	(97.524.504)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		120.006.507	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	120.006.507	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		479.534.248.397	498.141.564.618
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	507.055.979.612	507.055.979.612
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(27.521.731.215)	(8.914.414.994)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.978.354.697	1.494.760.275
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	1.978.354.697	1.494.760.275
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.088.754.642.621	1.092.502.623.080

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		521.998.045.347	543.850.049.779
I. Nợ ngắn hạn	310		492.864.168.860	506.804.711.700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	320.514.642.519	285.950.604.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	694.605.424	694.846.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	4.901.588.392	1.795.144.362
4. Phải trả người lao động	314		450.174.900	383.479.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		64.000.000	64.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.495.630.120	959.708.800
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	164.515.737.505	216.652.877.945
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		227.790.000	304.050.000
II. Nợ dài hạn	330		29.133.876.487	37.045.338.079
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	29.133.876.487	37.045.338.079
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		566.756.597.274	548.652.573.301
I. Vốn chủ sở hữu	410		566.756.597.274	548.652.573.301
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	103.393.817.274	85.289.793.301
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.289.793.301	101.522.689.941
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.104.023.973	(16.232.896.640)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.088.754.642.621	1.092.502.623.080

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	1.785.144.248.137	1.368.302.752.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.785.144.248.137	1.368.302.752.898
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.756.259.207.253	1.334.766.481.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		28.885.040.884	33.536.271.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31.295.034.961	21.178.033.066
7. Chi phí tài chính	22	26	31.807.913.491	10.539.005.481
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.391.497.815	2.055.235.678
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	4.860.399.944	3.827.762.174
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	7.491.787.544	53.780.786.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.019.974.866	(13.433.249.760)
11. Thu nhập khác	31	28	7.270.726.592	7.635.390.190
12. Chi phí khác	32	29	319.479.193	4.917.140.916
13. Lợi nhuận khác	40		6.951.247.399	2.718.249.274
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.971.222.265	(10.715.000.486)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.867.198.292	5.517.896.154
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.104.023.973	(16.232.896.640)

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.971.222.265	(10.715.000.486)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	2.510.761.466	1.459.243.057
- Các khoản dự phòng	03		18.607.316.221	56.955.892.413
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(12.073.196.877)	(4.829.778.240)
- Chi phí lãi vay	06	26	6.391.497.815	2.055.235.678
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		38.407.600.890	44.925.592.422
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.506.136.354)	(33.458.714.573)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.743.124.564)	498.633.291
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		26.786.550.950	62.662.184.956
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(457.899.797)	(331.835.065)
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(5.915.954.895)	(2.055.235.678)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(1.767.896.154)	(33.010.132.718)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(76.260.000)	(295.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.726.880.076	38.934.542.635
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14	(322.449.636)	(13.253.590.909)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	13	-	114.609.092
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(200.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	43.400.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	8.747.240.986	194.516.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		51.824.791.350	(212.944.465.763)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	1.089.954.563.278	640.912.771.078
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(1.142.091.703.718)	(478.959.893.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.137.140.440)	161.952.877.945
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16.414.530.986	(12.057.045.183)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	17.434.714.305	29.491.759.488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	33.849.245.291	17.434.714.305

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và các Công ty con sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Các chi nhánh**

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị <i>(chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 109/22 ngày 06/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị)</i>	Khu công nghiệp Nam Đông Hà - Phường Đông Lương - TP. Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Thôn Hội Vân - Xã Cát Hiệp - Huyện Phù Cát - Tỉnh Bình Định
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế <i>(chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo Thông báo số 860/TB-CTTH ngày 16/06/2022 của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế)</i>	Cụm CN Thủy Phương - Phường Thủy Phương - TX Hương Thủy - Thừa Thiên Huế

Các Công ty con

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	51,00%	Số 1A/8 Đường Châu Văn Lồng, KP Long Diêm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
2	Công ty TNHH Trung Nam	65,00%	Số 8G Khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
3	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	51,00%	Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
4	Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	51,00%	Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị là Công ty con, có 100% vốn góp là của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2022 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	15

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Mặt hàng khí đốt hóa lỏng LPG thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT là 10%; các mặt hàng khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	164.621.510	205.462.409
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.684.623.781	1.229.251.896
Cộng	33.849.245.291	1.434.714.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	156.600.000.000	156.600.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	156.600.000.000	156.600.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Gas Miền Trung	235.174.538.744	234.193.010.402
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	48.738.571.918
Công ty CP Dầu khí V - Gas	12.548.116.304	1.616.858.380
Các đối tượng khác	3.986.242.439	4.504.940.632
Cộng	300.447.469.405	289.053.381.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Gas Miền Trung	235.174.538.744	234.193.010.402
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	12.548.116.304	1.616.858.380
Cộng	247.722.655.048	235.809.868.782

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Cho thuê thiết bị	260.835.209	260.835.209
Các đối tượng khác	653.803.000	562.993.000
Cộng	914.638.209	823.828.209

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.439.291.770	-	4.641.678.833	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	500.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	7.948.623.837	-	4.622.667.946	-
Các khoản khác	25.512.800	-	40.135.471	-
Cộng	9.413.428.407	-	9.804.482.250	-

b. Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.290.759.192	-	3.932.459.192	-
Cộng	3.290.759.192	-	3.932.459.192	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
Công ty TNHH MTV Bàn lẻ Gas Miền Trung	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)
Cộng	(48.738.571.918)	(48.738.571.918)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	691.718.108	-	849.397.508	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	586.273.884	-	-	-
Hàng hóa	31.618.904.866	-	304.374.786	-
Cộng	32.896.896.858	-	1.153.772.294	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại 31/12/2022.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí bảo hiểm tài sản	14.000.002	16.916.002
Phí bảo lãnh	366.009.651	480.586.078
Các khoản khác	9.640.104	37.848.809
Cộng	389.649.757	535.350.889

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp (*)	661.114.410	808.028.730
Phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp	364.586.022	445.605.138
Các khoản khác	952.654.265	241.126.407
Cộng	1.978.354.697	1.494.760.275

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc trong 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027, diện tích đất thuê: 11.556 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	15.583.986.659	13.763.177.377	12.764.751.076	426.965.636	42.455.000	42.581.335.748
Mua sắm trong năm	-	254.513.636	67.936.000	-	-	322.449.636
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	15.583.986.659	14.017.691.013	12.832.687.076	426.965.636	42.455.000	42.903.785.384
Khấu hao						
Số đầu năm	5.724.567.930	11.315.231.580	795.467.105	212.446.992	39.152.927	18.086.866.534
Khấu hao trong năm	780.858.684	405.174.024	1.224.037.142	49.099.032	2.830.332	2.461.999.214
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	6.505.426.614	11.720.405.604	2.019.504.247	261.546.024	41.983.259	20.548.865.748
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.859.418.729	2.447.945.797	11.969.283.971	214.518.644	3.302.073	24.494.469.214
Số cuối năm	9.078.560.045	2.297.285.409	10.813.182.829	165.419.612	471.741	22.354.919.636

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 4.136.779.092 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 5.152.918.135 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà (*)	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	97.524.504	-	97.524.504
Khấu hao trong năm	48.762.252	-	48.762.252
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	146.286.756	-	146.286.756
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	877.720.536	93.351.936.778	94.229.657.314
Số cuối năm	828.958.284	93.351.936.778	94.180.895.062

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2022, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	120.006.507	-
Cộng	120.006.507	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư vào công ty con

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2022		01/01/2022	
					Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	11.475.000	310.424.781.250	(5.293.806.413)	310.424.781.250	(6.515.697.602)
- Công ty TNHH Trung Nam	Đang hoạt động	65,00%	65,00%	-	9.750.000.000	(4.427.847.704)	9.750.000.000	(2.398.717.392)
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	16.690.909	186.881.198.362	(17.800.077.098)	186.881.198.362	-
Cộng					507.055.979.612	(27.521.731.215)	507.055.979.612	(8.914.414.994)

Tại thời điểm 31/12/2022, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, giá trị dự phòng các khoản đầu tư được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán của các Công ty con. Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	58.586.582.908	58.586.582.908
Chi nhánh Tổng công ty kinh doanh khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	176.376.230.329	197.702.572.538
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam	25.572.384.750	29.434.052.362
WP Energy Public Company Limited	58.972.164.962	-
Các đối tượng khác	1.007.279.570	227.397.104
Cộng	320.514.642.519	285.950.604.912

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con	58.586.582.908	58.586.582.908
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con	120.000.000	120.000.000
Cộng		58.706.582.908	58.706.582.908

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Chiết xuất gas Phương Thiên Hưng	648.553.623	648.553.623
Các đối tượng khác	46.051.801	46.292.658
Cộng	694.605.424	694.846.281

19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	21.655.112	76.013.950.826	76.035.605.938	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.767.896.154	4.867.198.292	1.767.896.154	-	4.867.198.292
Thuế thu nhập cá nhân	73.779.889	5.593.096	215.996.384	183.503.490	70.083.999	34.390.100
Thuế nhập khẩu	-	-	36.197.119.445	36.197.119.445	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	11.544.789	11.544.789	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.053.036	5.053.036	-	-
Cộng	73.779.889	1.795.144.362	117.310.862.772	114.200.722.852	70.083.999	4.901.588.392

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm	
	USD	VND			USD	VND
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	1.613.987 #	36.710.136.590	910.071.152.545	898.281.289.135	-	48.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	75.100.000.000	15.500.000.000	-	59.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	7.838.417 #	179.942.741.355	84.783.410.733	208.310.414.583	-	56.415.737.505
- Ông Nguyễn Văn Sĩ	-	-	38.000.000.000	38.000.000.000	-	-
Cộng	9.452.403,89 #	216.652.877,945	1.127.954.563,278	1.180.091.703,718	- #	164.515.737,505

21. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.133.876.487	37.045.338.079
Cộng	29.133.876.487	37.045.338.079

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	463.362.780.000	101.522.689.941	564.885.469.941
Tăng trong năm	-	(16.232.896.640)	(16.232.896.640)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	463.362.780.000	85.289.793.301	548.652.573.301
Số dư tại 01/01/2022	463.362.780.000	85.289.793.301	548.652.573.301
Tăng trong năm	-	18.104.023.973	18.104.023.973
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	463.362.780.000	103.393.817.274	566.756.597.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	85.289.793.301	101.522.689.941
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	18.104.023.973	(16.232.896.640)
Phân phối lợi nhuận	-	-
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	-
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103.393.817.274	85.289.793.301

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 10/06/2022 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	1.772.945.591.177	1.352.783.812.712
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.198.656.960	14.426.940.186
Doanh thu khác (vỏ bình gas, van đã qua sử dụng,...)	-	1.092.000.000
Cộng	1.785.144.248.137	1.368.302.752.898

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.747.357.367.559	1.323.306.877.376
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.901.839.694	10.406.972.623
Giá vốn hoạt động khác (vỏ bình gas, van đã qua sử dụng,...)	-	1.052.631.263
Cộng	1.756.259.207.253	1.334.766.481.262

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.073.196.877	4.817.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3.471.011.429	610.022.411
Lãi bán hàng trả chậm phải thu	15.750.826.655	15.750.826.655
Cộng	31.295.034.961	21.178.033.066

26. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	6.391.497.815	2.055.235.678
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.305.580.732	147.867.529
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	18.607.316.221	8.217.320.495
Lãi chậm thanh toán	4.393.993.723	-
Chi phí tài chính khác	109.525.000	118.581.779
Cộng	31.807.913.491	10.539.005.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.884.852	504.607.692
Chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ	84.833.784	70.263.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.322.396	189.009.088
Phí bảo lãnh, ngân hàng	3.952.358.912	3.063.881.574
Cộng	4.860.399.944	3.827.762.174

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí tiền lương nhân viên quản lý	2.852.351.250	2.265.453.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.651.138.464	489.780.731
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	48.738.571.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.162.283.158	652.756.903
Các khoản khác	1.826.014.672	1.634.223.905
Cộng	7.491.787.544	53.780.786.807

28. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Phân bổ tiền nhận ký cược vô binh gas	7.269.761.592	7.269.968.708
Lãi bán thanh lý tài sản cố định	-	12.594.240
Các khoản khác	965.000	352.827.242
Cộng	7.270.726.592	7.635.390.190

29. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Xử lý công nợ	-	4.067.000.000
Tiền thuế phạt, thuế truy thu	116.935	791.420.188
Các khoản khác	319.362.258	58.720.728
Cộng	319.479.193	4.917.140.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.971.222.265	(10.715.000.486)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.364.769.193	38.304.480.924
- Điều chỉnh tăng	1.364.769.193	38.657.308.166
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.364.769.193	38.657.308.166
- Điều chỉnh giảm	-	352.827.242
+ Thu nhập đã tính thuế năm trước	-	352.827.242
Tổng thu nhập chịu thuế	24.335.991.458	27.589.480.438
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.867.198.292	5.517.896.154

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.566.996.650	6.424.829.427
Chi phí nhân công	5.811.164.250	5.262.634.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.510.761.466	1.459.243.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.912.038.031	1.191.718.114
Chi phí khác bằng tiền	6.039.340.669	4.940.128.873
Cộng	21.840.301.066	19.278.553.621

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng và thanh toán có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá trị hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc tiến độ thu hồi, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để có chỉ đạo kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	320.514.642.519	-	320.514.642.519
Chi phí phải trả	64.000.000	-	64.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	164.515.737.505	-	164.515.737.505
Phải trả khác	1.495.630.120	29.133.876.487	30.629.506.607
Cộng	486.590.010.144	29.133.876.487	515.723.886.631
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	285.950.604.912	-	285.950.604.912
Chi phí phải trả	64.000.000	-	64.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	216.652.877.945	-	216.652.877.945
Phải trả khác	959.708.800	37.045.338.079	38.005.046.879
Cộng	503.627.191.657	37.045.338.079	540.672.529.736

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.849.245.291	-	33.849.245.291
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	156.600.000.000	-	156.600.000.000
Phải thu khách hàng	251.708.897.487	-	251.708.897.487
Phải thu khác	9.413.428.407	3.290.759.192	12.704.187.599
Cộng	451.571.571.185	3.290.759.192	454.862.330.377
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.434.714.305	-	17.434.714.305
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Phải thu khách hàng	240.314.809.414	-	240.314.809.414
Phải thu khác	9.804.482.250	3.932.459.192	13.736.941.442
Cộng	467.554.005.969	3.932.459.192	471.486.465.161

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và các hoạt động phụ trợ khác liên quan trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Giao dịch trọng yếu phát sinh với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2022		Năm 2021	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Bán hàng	775.257.199.958		557.638.915.891	
	Nhận cổ tức	-		-	
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Mua hàng	272.432.396		-	
	Bán hàng	993.831.339.018		800.390.710.801	
	Phải thu lãi chậm thanh toán	15.750.826.655		15.750.826.655	
	Phải trả lãi chậm thanh toán	4.393.993.723		-	
	Thuê xe	221.885.516		218.181.816	
Công ty TNHH Trung Nam	Thuê xe	221.885.516		218.181.816	

c. Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2022		Năm 2021	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	660.000.000	660.000.000	660.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000	180.000.000	-
Ông Lê Tấn Cán	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.000.000	24.000.000	-
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	66.500.000	40.000.000	40.000.000	-
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	17.500.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	20.000.000	20.000.000	-
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	16.000.000	16.000.000	-
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	16.000.000	16.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022		Năm 2021	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc	514.331.000		480.150.000	
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	243.326.000		292.110.000	
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	101.750.000		-	
Ông Toshio Tatsuo	Phó Tổng Giám đốc	68.690.308		-	
Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	95.969.923		-	
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	448.267.500		408.150.000	

e. Tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty

Tài sản của Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty như sau:

e.1. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Chứng chỉ tiền gửi/ Sổ tiết kiệm: số 01810870 do Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng phát hành ngày 06/04/2021 cho bà Nguyễn Thị Bích Thủy - giá trị 30.000.000.000 VND.
- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/201, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BK 462604, sổ vào sổ cấp GCN CTs 04496 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 23/10/2021. Ngày 18/06/2021 VP đăng ký đất đai huyện Hòa Vang xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
 - ✓ GCN số CO 268976, sổ vào sổ cấp GCN CTs 159942 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/05/2018. Ngày 13/10/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CR 81274, sổ vào sổ cấp GCN CTs 191661 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 29/07/2019; Ngày 07/06/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
 - ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu TP Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ thửa đất: Tổ 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

e.2. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

e.3. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

e.4. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 cho lô đất tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

Người lập biểu


Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Trung





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5- 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2022: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Ông Lê Tấn Cán	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Ông Toshio Tatsuno	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/10/2022
• Ông Sato Ryoichi	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022 Miễn nhiệm ngày 12/10/2022

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022
• Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 10/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2020
• Ông Toshio Tatsuno	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/10/2022
• Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
• Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/11/2016
• Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2022 Miễn nhiệm ngày 12/10/2022
• Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bích Thùy là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2022.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Số: 582/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 28/03/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Lê Hoàng Tố Uyên – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4866-2019-010-1

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		547.672.006.843	632.673.557.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	80.854.376.536	77.594.223.173
1. Tiền	111		80.854.376.536	18.343.302.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	59.250.920.721
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.600.000.000	302.656.717.630
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	156.600.000.000	302.656.717.630
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.595.169.630	147.846.012.878
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	215.995.536.591	186.993.443.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.289.314.336	9.793.369.927
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	2.086.000.000	2.086.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	46.377.068.360	49.957.799.359
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(105.152.749.657)	(100.984.600.145)
IV. Hàng tồn kho	140		97.768.027.619	55.873.667.459
1. Hàng tồn kho	141	12	97.768.027.619	55.873.667.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.854.433.058	48.702.936.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	3.952.511.431	3.239.006.211
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.542.908.370	44.105.695.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.359.013.257	1.358.234.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.049.551.236.316	1.099.441.745.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.960.563.636	23.924.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	21.960.563.636	23.924.200.000
II. Tài sản cố định	220		502.833.719.861	530.210.358.612
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	502.833.719.861	530.210.358.612
- Nguyên giá	222		756.813.402.410	736.665.278.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253.979.682.549)	(206.454.919.676)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		2.818.181.818	2.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.818.181.818)	(2.818.181.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	94.180.895.062	94.229.657.314
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(146.286.756)	(97.524.504)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.061.010.704	2.279.921.121
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	5.061.010.704	2.279.921.121
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		425.515.047.053	448.797.608.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	420.493.815.120	443.489.403.456
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	2.726.420.411	2.452.605.495
3. Lợi thế thương mại	269	19	2.294.811.522	2.855.599.458
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.597.223.243.159	1.732.115.302.739

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		956.700.854.209	1.078.270.083.977
I. Nợ ngắn hạn	310		820.741.585.741	936.527.475.533
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	265.571.503.230	232.386.069.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	2.482.831.409	6.073.141.371
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	7.139.236.890	3.472.544.657
4. Phải trả người lao động	314		1.910.464.327	1.791.779.431
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	122.245.038	2.660.466.190
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	24.a	1.526.361.830	1.905.429.348
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25.a	541.745.737.505	687.918.579.945
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		243.205.512	319.465.512
II. Nợ dài hạn	330		135.959.268.468	141.742.608.444
1. Phải trả dài hạn khác	337	24.b	86.454.922.225	95.959.725.445
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25.b	44.000.000.000	44.000.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.504.346.243	1.782.882.999
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		640.522.388.950	653.845.218.762
I. Vốn chủ sở hữu	410		640.522.388.950	653.845.218.762
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26	(97.029.086.667)	(105.354.866.520)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(105.354.866.520)	(43.673.207.815)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.325.779.853	(61.681.658.705)
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	274.188.695.617	295.837.305.282
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.597.223.243.159	1.732.115.302.739

Người lập biểu

Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO
MIỀN TRUNG
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	2.073.867.401.134	1.634.328.866.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	52.353.524.392	67.512.495.555
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.021.513.876.742	1.566.816.371.437
4. Giá vốn hàng bán	11	30	1.798.027.176.671	1.330.446.669.757
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		223.486.700.071	236.369.701.680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	39.644.265.060	63.574.188.280
7. Chi phí tài chính	22	32	38.306.495.630	28.020.205.298
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.473.407.095	25.874.790.995
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty I.doanh, I.kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	33.a	198.427.596.859	180.547.481.912
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.b	43.945.313.291	198.377.771.210
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.548.440.649)	(107.001.568.460)
12. Thu nhập khác	31	34	19.338.542.655	18.437.867.906
13. Chi phí khác	32	35	3.524.756.597	9.439.872.130
14. Lợi nhuận khác	40		15.813.786.058	8.997.995.776
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.734.654.591)	(98.003.572.684)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.140.526.893	8.987.180.010
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.447.648.328	1.133.800.958
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(13.322.829.812)	(108.124.553.652)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.325.779.853	(61.681.658.705)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(21.648.609.665)	(46.442.894.947)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	180	(1.331)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	180	(1.331)

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc


 Lê Thị Mỹ Nương


 Nguyễn Thị Linh Thường


 Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

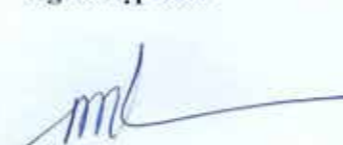
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.734.654.591)	(98.003.572.684)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, LTTM	02	14;16;19	48.553.855.975	46.860.501.702
- Các khoản dự phòng	03		4.168.149.512	161.052.906.673
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(5.542.555.900)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	31;34	(17.185.278.685)	(57.437.064.514)
- Chi phí lãi vay	06	32	35.473.407.095	25.874.790.995
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		69.275.479.306	72.805.006.272
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(15.792.585.325)	(140.847.070.038)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(41.894.360.160)	(30.554.352.591)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		19.168.091.031	155.204.547.048
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	13	22.162.076.609	(2.046.163.660)
- Tiền lãi vay đã trả	14	32	(37.231.544.925)	(23.693.548.601)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.640.448.278)	(35.465.711.522)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(76.260.000)	(295.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.970.448.258	(4.893.243.092)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(23.339.054.318)	(22.596.264.823)
2. Tiền thu từ TLý nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		55.518.519	15.454.545
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(303.506.717.630)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6;9	146.056.717.630	9.894.713.507
5. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10;31	15.689.365.714	1.767.236.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		138.462.547.545	(314.425.577.440)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	25	2.937.084.563.278	2.223.181.053.078
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	25	(3.083.257.405.718)	(1.910.319.893.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(146.172.842.440)	312.861.159.945
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.260.153.363	(6.457.660.587)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	77.594.223.173	84.051.907.860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	(24.100)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	80.854.376.536	77.594.223.173

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc


 Lê Thị Mỹ Nương


 Nguyễn Thị Linh Thường


 Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

1.4 Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và 4 Công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 4 công ty)

> Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A/8 Đường Châu Văn Long, KP Long Điền, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 225.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty Cổ phần Gas Miền Trung

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 327.272.730.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH Trung Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8G khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

> Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thương hiệu sản phẩm	Hết khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.11 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% đối với khí hóa lỏng LPG. Các hàng hóa, dịch vụ khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%. Riêng đối với thu nhập phát sinh từ dự án Kho chứa – Chiết nạp tại Khu công nghiệp Hậu cần Cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (thuộc Công ty CP Gas Miền Trung) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư có doanh thu. Miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	8.664.043.119	2.988.682.586
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.190.333.417	15.354.619.866
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	-	59.250.920.721
Cộng	80.854.376.536	77.594.223.173

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	156.600.000.000	156.600.000.000	302.656.717.630	302.656.717.630
Cộng	156.600.000.000	156.600.000.000	302.656.717.630	302.656.717.630

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.045.052.336	84.945.052.336
Các đối tượng khác	131.950.484.255	102.048.391.401
Cộng	215.995.536.591	186.993.443.737

Trong số các khoản phải thu khách hàng khác có 49.468.176.645 đồng tại Công ty CP Dầu khí V-Gas đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Kỹ thuật gia công cơ khí Minh Huy	1.264.384.187	1.242.725.187
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ô tô Nam Phát	1.610.225.000	1.610.225.000
Các đối tượng khác	2.414.705.149	6.940.419.740
Cộng	5.289.314.336	9.793.369.927

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Ông Trần Minh Đạt (*)	2.086.000.000	2.086.000.000
Cộng	2.086.000.000	2.086.000.000

(*) Là khoản tiền Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con) cho ông Trần Minh Đạt vay theo hợp đồng số 01/2020/HĐMT-TNAM-TMĐ ngày 10/03/2020 và Phụ lục Hợp đồng cho mượn tiền số 012021/PLHĐCMT ngày 02/01/2021 và số 02-2021/PLHĐGHMT ngày 31/12/2021. Thời hạn cho vay đến 31/12/2022. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo và không tính lãi.

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	34.182.579.079	-	35.482.775.079	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	7.948.623.837	-	6.508.229.385	-
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	(771.927.748)	771.927.748	(771.927.748)
Ký cược, ký quỹ	2.000.000.000	-	2.500.000.000	-
Phải thu khác	1.473.937.696	-	4.694.867.147	-
Cộng	46.377.068.360	(771.927.748)	49.957.799.359	(771.927.748)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	21.960.563.636	-	23.924.200.000	-
Cộng	21.960.563.636	-	23.924.200.000	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2022	Năm 2021
Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ	(100.984.600.145)	(1.672.986.272)
Dự phòng trích trong kỳ	(5.068.149.512)	(99.311.613.873)
Hoàn nhập dự phòng	900.000.000	-
Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ	(105.152.749.657)	(100.984.600.145)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.346.010.046	-	13.801.668.443	-
Công cụ, dụng cụ	19.083.003.507	-	328.541.950	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	586.273.884	-	1.062.997.793	-
Thành phẩm	769.152.188	-	2.977.401.981	-
Hàng hóa	64.983.587.994	-	37.703.057.292	-
Cộng	97.768.027.619	-	55.873.667.459	-

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.453.834.203	1.569.026.028
Chi phí bảo hiểm	812.368.490	373.123.565
Phí bảo lãnh	366.009.651	480.586.078
Chi phí trả trước khác	1.320.299.087	816.270.540
Cộng	3.952.511.431	3.239.006.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí kiểm định vô hình	6.769.928.095	-	5.794.751.246	-
Chi phí quyền khai thác kinh doanh (i)	9.963.143.626	-	11.221.645.979	-
Chi phí vô hình phân bổ	367.571.351.193	-	391.294.133.466	-
Chi phí bảo dưỡng vô hình	12.159.183.032	-	12.035.273.095	-
Tiền thuê đất (ii)	16.667.050.052	-	17.277.574.778	-
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	7.363.159.122	-	5.866.024.892	-
Cộng	420.493.815.120	-	443.489.403.456	-

(i) Là chi phí mà Công ty CP Dầu khí V-Gas phải trả để nhận lại quyền kinh doanh trực tiếp với các đại lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Thiên Phú tại địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, quyền quản lý, khai thác khách hàng số 09/2020/HĐVGASĐX-LTP ngày 25/09/2020. Thời gian phân bổ là 10 năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/09/2022/NQ-VGas ngày 01/09/2022.

(ii) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

Địa điểm	Thời hạn (năm)	Thời gian kết thúc	Diện tích (m ²)	Số tiền
- Lô số 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	10	30/06/2027	11.556	661.114.410
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15	31/12/2035	3.150	665.153.066
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	25	23/10/2046	980	377.334.300
- KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	50	15/06/2066	48.980	14.946.312.411
- Thôn Trung Hiệp, Xã Hiệp An, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	7	13/07/2023	5.731	12.121.214
- Các địa điểm nhỏ lẻ khác	-	-	-	5.014.651
Cộng				16.667.050.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	126.582.606.098	533.526.338.244	75.138.085.128	535.585.636	882.663.182	736.665.278.288
Tăng trong kỳ	1.396.806.000	7.206.663.941	11.260.297.095	238.400.000	465.500.000	20.567.667.036
Thanh lý, nhượng bán	-	-	419.542.914	-	-	419.542.914
Số cuối kỳ	127.979.412.098	540.733.002.185	85.978.839.309	773.985.636	1.348.163.182	756.813.402.410
Khấu hao						
Số đầu kỳ	25.308.257.919	149.376.530.712	30.996.302.874	230.550.324	543.277.847	206.454.919.676
Khấu hao trong kỳ	5.496.721.257	35.042.285.133	7.106.410.413	95.635.859	203.253.125	47.944.305.787
Thanh lý, nhượng bán	-	-	419.542.914	-	-	419.542.914
Số cuối kỳ	30.804.979.176	184.418.815.845	37.683.170.373	326.186.183	746.530.972	253.979.682.549
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	101.274.348.179	384.149.807.532	44.141.782.254	305.035.312	339.385.335	530.210.358.612
Số cuối kỳ	97.174.432.922	356.314.186.340	48.295.668.936	447.799.453	601.632.210	502.833.719.861

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 370.246.927.669 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 37.275.280.933 đồng.

15. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2022 của Công ty là các nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.818.181.818 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	-	97.524.504	97.524.504
Khấu hao trong kỳ	-	48.762.252	48.762.252
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	146.286.756	146.286.756
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.351.936.778	877.720.536	94.229.657.314
Số cuối năm	93.351.936.778	828.958.284	94.180.895.062

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2022, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Mua sắm tài sản cố định	-	2.240.909.090
Xây dựng cơ bản dở dang	5.061.010.704	39.012.031
Cộng	5.061.010.704	2.279.921.121

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.726.420.411	2.452.605.495
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.726.420.411	2.452.605.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Lợi thế thương mại

	Năm 2022	Năm 2021
Giá trị đầu kỳ	2.855.599.458	3.416.387.394
Phân bổ trong kỳ	560.787.936	560.787.936
Giá trị cuối kỳ	2.294.811.522	2.855.599.458

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	27.448.730.195	31.277.249.563
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP - Công ty kinh doanh Sản phẩm khí	176.376.230.329	197.702.572.538
Các đối tượng khác	61.746.542.706	3.406.246.978
Cộng	265.571.503.230	232.386.069.079

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Chiết xuất gas Phương Thiên Hưng	648.553.623	648.553.623
Các đối tượng khác	1.834.277.786	5.424.587.748
Cộng	2.482.831.409	6.073.141.371

22. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	266.982.427	78.731.983.608	78.596.280.025	-	402.686.010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.284.454.995	3.163.024.793	8.140.526.893	4.640.448.278	1.284.454.995	6.663.103.408
Thuế thu nhập cá nhân	73.779.889	22.737.437	486.938.837	460.410.116	70.427.874	45.914.143
Thuế nhập khẩu	-	-	36.197.119.445	36.197.119.445	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	973.126.201	973.126.201	-	-
Các loại thuế khác	-	19.800.000	584.541.062	580.938.121	4.130.388	27.533.329
Tiền thuế phạt, chậm nộp	-	-	53.036	53.036	-	-
Cộng	1.358.234.884	3.472.544.657	125.114.289.082	121.448.375.222	1.359.013.257	7.139.236.890

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí lãi vay	-	1.401.899.927
Phí kiểm toán	88.000.000	190.000.000
Các khoản trích trước khác	34.245.038	1.068.566.263
Cộng	122.245.038	2.660.466.190

24. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Lãi vay phải trả	475.542.920	831.780.823
Thù lao HĐQT, BKS	1.017.600.000	956.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.218.910	117.648.525
Cộng	1.526.361.830	1.905.429.348

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	86.454.922.225	95.959.725.445
Cộng	86.454.922.225	95.959.725.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
	Ngoại tệ	VND			Ngoại tệ	VND
Vay ngắn hạn (USD)						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	1.613.987,10 #	36.710.136.590	-	36.710.136.590	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	7.838.416,79 #	179.942.741.355	-	179.942.741.355	-	-
Vay ngắn hạn (VND)						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	-	300.040.000.000	2.053.151.152.545	1.989.511.152.545	-	363.680.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	-	56.700.000.000	617.850.000.000	612.500.000.000	-	62.050.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	93.100.000.000	33.500.000.000	-	59.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	88.200.000.000	88.200.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	84.783.410.733	28.367.673.228	-	56.415.737.505
- Ông Nguyễn Văn Sĩ	-	-	38.000.000.000	38.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn (JPY)						
- Tokai Coporation	571.400.000 #	114.525.702.000	-	114.525.702.000	-	-
Cộng		687.918.579.945	2.975.084.563.278	3.121.257.405.718		541.745.737.505

b. Vay dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngoại tệ #	Số cuối năm
	Vay dài hạn	44.000.000.000	-	-	- #
- Bà Nguyễn Thị Diễm Tuyền (bên liên quan)	44.000.000.000	-	-	-	44.000.000.000
Cộng	44.000.000.000	-	-	- #	44.000.000.000
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.000.000.000				44.000.000.000

Vay dài hạn bà Nguyễn Thị Diễm Tuyền (em dâu chủ tịch HĐQT) theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2020, hạn mức vay là 23.200.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 4 năm kể từ ngày 18/12/2020. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2021, hạn mức vay là 21.073.866.000 đồng. Thời hạn cho vay là 4 năm kể từ ngày 20/01/2021. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2021	463.362.780.000	(43.673.207.815)
Tăng trong năm	-	(61.681.658.705)
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	463.362.780.000	(105.354.866.520)
Số dư tại 01/01/2022	463.362.780.000	(105.354.866.520)
Tăng trong năm	-	8.325.779.853
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	463.362.780.000	(97.029.086.667)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(105.354.866.520)	(43.673.207.815)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	8.325.779.853	(61.681.658.705)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(97.029.086.667)	(105.354.866.520)

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 10/06/2022 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021.

27. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	295.837.305.282	342.280.200.229
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	(21.648.609.665)	(46.442.894.947)
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	(21.648.609.665)	(46.442.894.947)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	-	-
Cộng	274.188.695.617	295.837.305.282

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	2.048.969.217.417	1.622.634.091.108
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.459.559.924	10.017.352.685
Doanh thu khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng,...)	2.438.623.793	1.677.423.199
Cộng	2.073.867.401.134	1.634.328.866.992

29. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	52.353.524.392	67.512.495.555
Cộng	52.353.524.392	67.512.495.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán hàng hóa	1.775.452.247.220	1.323.436.787.612
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	22.475.116.246	6.827.499.722
Giá vốn của hoạt động khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng)	99.813.205	182.382.423
Cộng	1.798.027.176.671	1.330.446.669.757

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.129.760.166	8.275.466.346
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	49.146.143.623
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	19.487.973.606	610.022.411
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	91.008.000	5.542.555.900
Lãi chậm trả tiền	2.935.523.288	-
Cộng	39.644.265.060	63.574.188.280

32. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	35.473.407.095	25.874.790.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.441.352.732	898.612.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	18.170	-
Chi phí tài chính khác	391.717.633	1.246.802.288
Cộng	38.306.495.630	28.020.205.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên bán hàng	27.465.527.321	26.281.671.007
Chi phí vô hình phân bổ, thương hiệu	77.434.833.603	69.332.169.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.893.871.760	36.984.722.031
Chi phí phi phân bổ công cụ dụng cụ	22.203.516.988	16.110.869.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.710.185.967	3.063.881.574
Các khoản khác	28.719.661.220	28.774.168.011
Cộng	198.427.596.859	180.547.481.912

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	1.769.538.335	1.143.173.160
Chi phí nhân viên quản lý	20.047.285.169	18.549.943.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.483.009.840	5.440.979.348
Chi phí dự phòng	4.168.149.512	161.136.981.760
Phân bổ lợi thế thương mại	560.787.936	560.787.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.104.703.270	2.486.568.333
Các khoản khác	7.811.839.229	9.059.337.582
Cộng	43.945.313.291	198.377.771.210

34. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	55.518.519	15.454.545
Phân bổ tiền nhận ký cược vô hình gas	18.980.639.634	18.018.854.961
Các khoản thu nhập khác	302.384.502	403.558.400
Cộng	19.338.542.655	18.437.867.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Tiền đặt cược vô hình gas không được hoàn	2.106.845.271	1.684.416.144
Chi phí phạt, bồi thường	161.722.888	1.072.651.674
Chi phí hoàn cược vô	354.266.507	1.138.526.036
Chi phí khác	901.921.931	5.544.278.276
Cộng	3.524.756.597	9.439.872.130

36. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.325.779.853	(61.681.658.705)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.325.779.853	(61.681.658.705)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	46.336.278	46.336.278
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	180	(1.331)

37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.443.712.931	14.996.160.685
Chi phí nhân công	52.236.541.213	48.780.524.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.553.855.975	46.860.501.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.618.631.327	78.615.406.563
Chi phí khác bằng tiền	61.901.176.131	49.753.256.543
Cộng	264.753.917.578	239.005.849.863

38. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, cụ thể:

- ❖ Khu vực Miền Trung: Gồm Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Gas Miền Trung và Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị.
- ❖ Khu vực Miền Nam: Gồm Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bộ phận	1.214.384.687.744	995.959.839.135	859.482.713.390	638.369.027.857	2.073.867.401.134	1.634.328.866.992
Các khoản giảm trừ doanh thu	25.231.690.611	29.142.525.041	27.121.833.781	38.369.970.514	52.353.524.392	67.512.495.555
Giá vốn hàng bán bộ phận	1.040.413.380.703	819.096.999.442	757.613.795.968	511.349.670.315	1.798.027.176.671	1.330.446.669.757
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	148.739.616.430	147.720.314.652	74.747.083.641	88.649.387.028	223.486.700.071	236.369.701.680
Doanh thu hoạt động tài chính	29.240.496.188	59.752.035.969	10.403.768.872	3.822.152.311	39.644.265.060	63.574.188.280
Chi phí hoạt động tài chính	27.929.283.941	16.264.479.810	10.377.211.689	11.755.725.488	38.306.495.630	28.020.205.298
- Chi phí lãi vay	25.205.682.459	15.068.270.443	10.267.724.636	10.806.520.552	35.473.407.095	25.874.790.995
- Chi phí tài chính khác	2.723.601.482	1.196.209.367	109.487.053	949.204.936	2.833.088.535	2.145.414.303
Chi phí bán hàng	122.262.946.994	105.822.017.742	76.164.649.865	74.725.464.170	198.427.596.859	180.547.481.912
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.244.214.037	170.153.145.470	18.701.099.254	28.224.625.740	43.945.313.291	198.377.771.210
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.543.667.646	(84.767.292.401)	(20.092.108.295)	(22.234.276.059)	(17.548.440.649)	(107.001.568.460)
Thu nhập khác	9.350.436.164	8.872.763.930	9.988.106.491	9.565.103.976	19.338.542.655	18.437.867.906
Chi phí khác	741.518.023	5.883.239.586	2.783.238.574	3.556.632.544	3.524.756.597	9.439.872.130
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	8.608.918.141	2.989.524.344	7.204.867.917	6.008.471.432	15.813.786.058	8.997.995.776
Lợi nhuận trước thuế	11.152.585.787	(81.777.768.057)	(12.887.240.378)	(16.225.804.627)	(1.734.654.591)	(98.003.572.684)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.989.895.128	6.827.627.983	3.150.631.765	2.159.552.027	8.140.526.893	8.987.180.010
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.522.836.689	1.054.040.454	(75.188.361)	79.760.504	3.447.648.328	1.133.800.958
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.639.853.970	(89.659.436.494)	(15.962.683.782)	(18.465.117.158)	(13.322.829.812)	(108.124.553.652)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá mua hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc tiến độ thu hồi, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để có chỉ đạo kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	265.571.503.230	-	265.571.503.230
Chi phí phải trả	122.245.038	-	122.245.038
Vay và nợ thuê tài chính	541.745.737.505	44.000.000.000	585.745.737.505
Phải trả khác	1.526.361.830	86.454.922.225	87.981.284.055
Cộng	808.965.847.603	130.454.922.225	939.420.769.828

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	232.386.069.079	-	232.386.069.079
Chi phí phải trả	2.660.466.190	-	2.660.466.190
Vay và nợ thuê tài chính	687.918.579.945	44.000.000.000	731.918.579.945
Phải trả khác	1.905.429.348	95.959.725.445	97.865.154.793
Cộng	924.870.544.562	139.959.725.445	1.064.830.270.007

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.854.376.536	-	80.854.376.536
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	156.600.000.000	-	156.600.000.000
Phải thu khách hàng	111.614.714.682	-	111.614.714.682
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	11.422.561.533	21.960.563.636	33.383.125.169
Cộng	362.577.652.751	21.960.563.636	384.538.216.387

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.594.223.173	-	77.594.223.173
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	302.656.717.630	-	302.656.717.630
Phải thu khách hàng	86.780.771.340	-	86.780.771.340
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	13.703.096.532	23.924.200.000	37.627.296.532
Cộng	482.820.808.675	23.924.200.000	506.745.008.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Thông tin về các bên liên quan

a. Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2022		Năm 2021	
		Số đã trích	Số thực nhận	Số đã trích	Số thực nhận
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	660.000.000	660.000.000	660.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000	180.000.000	-
Ông Lê Tấn Cán	Thành viên HĐQT	36.000.000	24.000.000	24.000.000	-
Ông Sato Ryoichi	Thành viên HĐQT	66.500.000	40.000.000	40.000.000	-
Ông Toshio Tatsuno	Thành viên HĐQT	17.500.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng BKS	21.600.000	20.000.000	20.000.000	-
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên BKS	18.000.000	16.000.000	16.000.000	-
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên BKS	18.000.000	16.000.000	16.000.000	-

b. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022		Năm 2021	
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	514.331.000	480.150.000		
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	243.326.000	292.110.000		
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	101.750.000	-		
Ông Toshio Tatsuno	Phó Tổng Giám đốc	68.690.308	-		
Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	95.969.923	-		
Bà Nguyễn Thị Linh Thương	Kế toán trưởng	448.267.500	408.150.000		

c. Tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Công ty

Tài sản của Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty như sau:

c.1. Tại Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

- Chứng chỉ tiền gửi/ Số tiết kiệm: số 01810870 do Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng phát hành ngày 06/04/2021 cho bà Nguyễn Thị Bích Thùy - giá trị 30.000.000.000 VND
- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số BE 048254 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 31/03/201, thửa đất số 117, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ tại 222 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CH 611184 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP Đà Nẵng cấp ngày 16/02/2017, thửa đất số 202, tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất: Lô B-13, Khu dân cư Nam sân bay, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BK 462604, số vào sổ cấp GCN CTs 04496 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 23/10/2021. Ngày 18/06/2021 VP đăng ký đất đai huyện Hòa Vang xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN số CO 268976, số vào sổ cấp GCN CTs 159942 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/05/2018. Ngày 13/10/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy.
- Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CR 81274, số vào sổ cấp GCN CTs 191661 do Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 29/07/2019. Ngày 07/06/2021 VP đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ xác nhận chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thùy;
 - ✓ GCN số AE 723811 do UBND quận Hải Châu TP Đà Nẵng cấp ngày 03/07/2006, thửa đất số 328, tờ bản đồ số: 110, địa chỉ thửa đất: Tô 8, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- ❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng**
 - Các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BT 879950 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/07/2014. Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374117 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 55, địa chỉ Lô 12 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số DA 374116 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 07/05/2021. Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 55, địa chỉ: Lô 13 Khu B2.6, KDC An Nhơn 1, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.
- ❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng**
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số BD 879188 do UBND Quận Hải Châu cấp ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- ❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An**
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số CT 599640 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2020 tại 580-582 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

c.2. Tại Công ty CP Gas Miền Trung

❖ Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số BC 702599 do UBND Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2011. Thửa đất số 140, tờ bản đồ số: 45, địa chỉ tại Lô 14-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BC 771976 do UBND Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/01/2011. Thửa đất số 141, tờ bản đồ số: 45, địa chỉ tại Lô 15-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số Đ 487444 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 17/05/2004. Thửa đất số 430, tờ bản đồ số: KT01/1, địa chỉ tại P. Hòa Cường, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CC 884440, số vào sổ cấp GCN: CS 002571 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016. Thửa đất số 483/1, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ tại Khối phố Hà My Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

A, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;

- ✓ GCN số CC 884441, sổ vào sổ cấp GCN: CS 002572 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016. Thửa đất số 483, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ tại Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH 361823, sổ vào sổ cấp GCN: CS 003011 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017. Thửa đất số 491/9, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ tại Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CK 4388882 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017 tại thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông B, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số AB 585861 do UBND Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam cấp ngày 29/03/2005 tại thửa đất số 376(2), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
- ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3401020539 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 13/12/2000. Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 57 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng.
 - ✓ GCN quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số AD 337778 do UBND Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng cấp ngày 29/11/2005. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Lô 12 Khu Mã Tây, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số V 699445 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(22), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số V 699446 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 16/01/2003, tại thửa đất số 468(23), tờ bản đồ số 7, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 031209 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 30/12/2003, tại thửa đất số 738, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số BE 104581 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 26/07/2011, tại thửa đất số 259/3, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Viêm Trung, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH361824 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/10, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH361825 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/11, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH361826 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017 tại thửa đất số 491/12, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khối phố Hà My Đông A, P. Điện Dương, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ GCN số Đ 031326 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 17(1), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số Đ 031327 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 18/03/2004, tại thửa đất số 18(2), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số AP 273957 do Ủy ban Nhân dân huyện Điện Bàn (nay là thị xã Điện Bàn) cấp ngày 04/07/2009, tại thửa đất số 18(3), tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Ngọc Vinh, P. Điện Ngọc, Tx. Điện Bàn, T. Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CĐ 771978 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/08/2016 tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 347 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BI 185048 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/10/2012 tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 164, địa chỉ: 71 Nam Cao, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số AD 290457 do Chủ tịch UBND quận Hải Châu cấp ngày 26/08/2005 tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: 53 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.
- Xe ô tô
- ✓ Xe ô tô con hiệu Toyota, biển kiểm soát 52X-9432;
 - ✓ Xe ô tô con hiệu Mercedes, biển kiểm soát số 56P-2383;
 - ✓ Xe ô tô con hiệu BMW, biển kiểm soát số 50Z-3667.

c.2. Tại Công ty CP Dầu khí V-Gas

❖ **Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam**

- Các Quyền sử dụng đất sau:
 - ✓ GCN số BC 702599 do UBND Quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 28/01/2011, tại Lô 14-B2.12 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số BC 771976 do UBND Quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 28/01/2011, tại Lô 15-B2.23 ĐTM Nam Cầu Tuyên Sơn, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số Đ 487444 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 17/05/2004, tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số KT01/1, P. Hòa Cường, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số CC884440 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016, tại thửa đất số 483/1, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CC884441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/07/2016, tại thửa đất số 483, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CH 361823 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/09/2017, tại thửa đất số 491/9, tờ bản đồ số 07, KP Hà My Đông A, P. Điện Dương, TX. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số CK 438882 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/12/2017, tại thửa đất số 437/14/1, tờ bản đồ số 7 KP Hà My Đông B, P. Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ GCN số AB 585861 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/03/2005, tại thửa đất số 376(02), tờ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

bản đồ số 7, P. Điện Dương, TX Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau:
 - ✓ GCN số 3401020539 do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 13/12/2000 tại 57 Đoàn Thị Điểm, P. Hải Châu II, TP. Đà Nẵng;
 - ✓ GCN số AD 337778 do UBND Quận hải Châu cấp ngày 29/11/2005 tại Lô 12, KDC Mã Tây, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

41. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

42. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

Quảng Nam, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung